



BỘ TƯ PHÁP



LIÊN MINH CHÂU ÂU



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN  
LIÊN HỢP QUỐC



# BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÔNG TÁC HÒA GIẢI CƠ SỞ



EU  
JULE

# **BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÔNG TÁC HÒA GIẢI CƠ SỞ**

**6/2022**

*Tư vấn*

**Nguyen Thi Kim Thoa**

*Hỗ trợ chuyên môn*

- 1. Phan Thị Hồng Hà, Phó Trưởng Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp**
- 2. Vũ Kim Dung, Tổ trưởng Tổ thư ký giúp việc Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp**
- 3. Nguyen Ngoc Thuy Duong, Tổ viên Tổ thư ký giúp việc Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp**

Nghiên cứu này là một hoạt động thuộc Chương trình "Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam" (EU JULE) do Liên minh châu Âu tài trợ với sự đóng góp tài chính từ UNDP và UNICEF. Chương trình do hai cơ quan này của Liên hợp quốc thực hiện với sự phối hợp của Bộ Tư pháp Việt Nam.

Những phát hiện, quan điểm thể hiện trong Báo cáo này là của các tác giả, đơn vị khảo sát, và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Bộ Tư pháp cũng như bất kỳ cơ quan nào thuộc Chính phủ Việt Nam, Liên minh châu Âu và UNDP.

## LỜI CẢM ƠN

Tác giả của nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn:

- Liên minh châu Âu đã tài trợ nghiên cứu này trong khuôn khổ Chương trình “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE).
- Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu này cả về vật chất, phương pháp luận và những tư vấn quý báu có được từ những hoạt động toàn cầu liên quan đến tiếp cận công lý của các nhóm yếu thế.
- Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ, ngành Tư pháp đã tạo điều kiện và nhiệt tình giúp đỡ thực hiện nghiên cứu và viết báo cáo này.
- Những người dành thời gian chia sẻ ý kiến, quan điểm trong các cuộc họp kỹ thuật và hội thảo tham vấn hoàn thiện báo cáo nghiên cứu.

# MỤC LỤC

<b>CÁC TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>5</b>
<b>BÁO CÁO TÓM TẮT .....</b>	<b>6</b>
<b>LỜI NÓI ĐẦU .....</b>	<b>11</b>
<b>I. THUẬT NGỮ VÀ KHÁI NIỆM .....</b>	<b>13</b>
<b>II. KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI.....</b>	<b>15</b>
1. <i>Khung pháp luật quốc tế .....</i>	<i>15</i>
2. <i>Khung pháp luật trong nước .....</i>	<i>16</i>
<b>III. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HGCS .....</b>	<b>18</b>
1. <i>Hòa giải cơ sở.....</i>	<i>18</i>
2. <i>Đặc điểm của bình đẳng giới trong hòa giải cơ sở.....</i>	<i>19</i>
<b>IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HGCS .....</b>	<b>22</b>
1. <i>Đánh giá chung.....</i>	<i>22</i>
2. <i>Đánh giá về tình hình bạo lực giới.....</i>	<i>25</i>
3. <i>Đánh giá cụ thể.....</i>	<i>27</i>
<b>V. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI .....</b>	<b>31</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>34</b>
<i>Phụ lục 1. Luật pháp liên quan .....</i>	<i>34</i>
<i>Phụ lục 2: Mẫu tóm tắt hồ sơ vụ việc.....</i>	<i>38</i>
<i>Phụ lục 3: Thông tin dịch vụ hỗ trợ tại Việt Nam .....</i>	<i>39</i>
<i>Tài liệu tham khảo .....</i>	<i>41</i>

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDG	Bình đẳng giới
BLG	Bạo lực trên cơ sở giới
BVSTBPN	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ
CEDAW	Công ước về Xoá bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ
DVTY	Dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực
ICESCR	Công ước về quyền Kinh tế, xã hội và văn hoá
HGCS	Hoà giải cơ sở
LHQ	Liên hợp quốc
UNICEF	Quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc
UNDP	Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc
ICESCR	Công ước về quyền Kinh tế, xã hội và văn hoá

## TÓM TẮT BÁO CÁO

Hòa giải ở cơ sở có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, có thể nói đây là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả. Bởi hòa giải thành sẽ hàn gắn và khôi phục tình cảm giữa các bên tranh chấp, giúp duy trì mối quan hệ đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng dân cư. Do đó, hòa giải ở cơ sở là chỗ dựa cho việc tổ chức một xã hội đoàn kết, hòa hợp, đồng thuận, người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, tạo tiền đề cho ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Vì lẽ đó hòa giải ở cơ sở không chỉ là phương thức giải quyết tranh chấp có hiệu quả mà còn là một phương thức phổ biến giáo dục pháp luật thiết thực, nhằm giữ gìn, duy trì đoàn kết trong nội bộ nhân dân; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng và nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật trong cộng đồng dân cư; hướng tới xây dựng một xã hội đồng thuận, đoàn kết, cùng thực hiện những nhiệm vụ cách mạng do Đảng và Nhà nước đề ra<sup>1</sup>.

Để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ về ***bảo đảm bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt là đảm bảo bình đẳng tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý*** và hoạt động hòa giải ở cơ sở của nạn nhân bạo lực gia đình, cần có sự phân tích, đánh giá về tình hình và kết quả lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải. Trên tinh thần đó, ***báo cáo tập trung chủ yếu vào nội dung lồng ghép giới trong hoà giải đối với các đối tượng nói chung, trong đó đặc biệt lưu ý nhóm người dễ bị tổn thương, bị bạo lực nói riêng.***

Kết quả của nghiên cứu này sẽ cung cấp và xác định các nhiệm vụ thể cũng như các giải pháp và lộ trình để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu về bình đẳng giới đến năm 2030 mà Chính Chương trình trao quyền cho tư pháp và pháp lý của Liên minh Châu Âu (EU JULE) do UNDP và UNICEF thực hiện cùng với các cơ quan Nhà nước liên quan, các tổ chức giáo dục và học thuật được thiết kế để tăng cường pháp quyền thông qua cơ chế hòa giải; và thông qua một hệ thống tư pháp đáng tin cậy hơn và được tiếp cận tốt hơn ***và đặc biệt để tăng tiếp cận công lý cho phụ nữ, trẻ em và những nhóm gặp trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng cơ chế hòa giải, hệ thống tư pháp, bao gồm cả người dân tộc thiểu số và người nghèo.*** Tăng cường các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực hòa giải, lĩnh vực pháp lý và tư pháp là một trong những can thiệp chính để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

Dưới đây là một số phát hiện của nghiên cứu:

### 1. Đánh giá chung về bảo đảm bình đẳng giới trong hoà giải ở cơ sở

#### 1.1. Điểm mạnh

- Việc thực hiện Luật HGCS trên toàn quốc đã tác động tích cực đến đời sống xã hội, tạo cơ sở pháp lý toàn diện, đầy đủ và vững chắc cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đi vào nề nếp, thông nhất và hiệu quả, qua đó khẳng định vị trí và vai trò quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở trong đời sống xã hội.
- Số vụ việc hòa giải thành tính từ năm 2014 đến hết năm 2017 là 472.197/579.609 vụ việc hòa giải, đạt tỷ lệ 81,45%, tỷ lệ hòa giải thành tăng bền vững giữa các năm.
- Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cả nước thì từ năm 2014 đến hết năm 2018, hòa giải viên ở cơ sở đã tiến hành hòa giải 26.771 vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, hòa giải thành 22.293 vụ việc. 1.2. ***Bất cập và hạn chế***

Bên cạnh những lợi ích và ưu điểm của hoà giải cơ sở mang lại, thì công tác hoà giải cơ sở vẫn còn **một số bất cập và hạn chế**, ví dụ như:

<sup>1</sup> [https://pbgdpl.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset\\_publisher/ctFINBWOJ3XS/content/lam-tot-cong-tac-hoa-giai-o-co-so-la-gop-phan-xay-dung-y-thuc-thuong-ton-phap-luat-trong-cong-ong-dan-cu](https://pbgdpl.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/ctFINBWOJ3XS/content/lam-tot-cong-tac-hoa-giai-o-co-so-la-gop-phan-xay-dung-y-thuc-thuong-ton-phap-luat-trong-cong-ong-dan-cu)

- **Quản trị công tác hoà giải cơ sở.** Cán bộ tại cấp xã còn mỏng lại kiêm nhiệm, nên chưa dành nhiều thời gian cho công tác hòa giải cơ sở; năng lực chuyên môn của một bộ phận công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã, Hòa giải viên còn hạn chế do không được bồi túc, tập huấn thường xuyên, nhất là các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.
- **Tổ chức hòa giải ở cơ sở và hòa giải viên.** **Chất lượng, hiệu quả hòa giải ở cơ sở chưa cao,** không đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống; **nhiều mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở chưa được phát hiện hoặc được phát hiện nhưng chưa được hòa giải, hòa giải không kịp thời, hòa giải không thành;** Trong quá trình hòa giải, **vẫn còn tình trạng hòa giải viên vi phạm quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở gây tác động tiêu cực đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên,** giảm chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở và tính nghiêm minh của pháp luật. Trình độ học vấn, kiến thức pháp luật, **kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải của đa số hòa giải viên còn thấp** (trong số 651.215 hòa giải viên chỉ có 28.006 người có trình độ chuyên môn **Luật, chiếm tỷ lệ 4,3%**). Đội ngũ hòa giải viên rất ít được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải.
- **Thiếu hoà giải viên nữ.** Theo số liệu báo cáo thống kê của 63 tỉnh, thành phố, đến năm 2020, cả nước có 88.765 tổ hòa giải với 548.367 hòa giải viên, trong đó có 153.119 hòa giải viên nữ. Một số địa phương có tỷ lệ hòa giải viên nữ cao như TP. Hồ Chí Minh 43%, TP. Hải Phòng 39%, tỉnh Quảng Minh 37,67%... Tuy nhiên tính đến ngày 31.12.2020, số hòa giải viên nữ trên cả nước chỉ chiếm **khoảng 28% hòa giải viên ở cơ sở**, trong khi đó theo quy định thì Tổ hòa giải phải có sự tham gia của hòa giải viên nữ.
- **Thiếu nhạy cảm giới trong công tác hoà giải.** Không phải hòa giải viên nào cũng quan tâm tới các vấn đề giới, bình đẳng giới và quyền phụ nữ, trẻ em trong các vụ việc được hòa giải. Trong các buổi hòa giải, họ thường tập trung tới mâu thuẫn, tranh chấp thay vì nhìn nhận toàn diện vấn đề chi phối hành vi của các bên như giới tính, văn hóa, tôn giáo và các nhận thức về giới. Hoà giải viên chủ yếu vận dụng những kinh nghiệm sẵn có của bản thân, hoà giải dựa trên ý chí chủ quan của bản thân. Ngoài ra, các thành viên trong tổ hoà giải vẫn còn thiếu kiến thức cơ bản về bình đẳng giới và thiếu nhạy cảm giới trong xử lý công việc của mình.

Theo Báo cáo “Thực trạng giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải ở cơ sở” thì phản hồi của người dân về cách thức hòa giải viên bảo đảm bình đẳng giới khi làm việc với nhóm đối tượng đặc thù được đánh giá như sau:

- Tìm hiểu về nhận thức của hòa giải viên về vấn đề bảo đảm bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em, trong quá trình hòa giải, khảo sát và phỏng vấn người dân được hòa giải cho thấy, **chỉ 57.4% số người được hòa giải cho rằng hòa giải viên có quan tâm đến vấn đề này, 10.9% cho rằng hòa giải viên cơ sở không chú ý tới các vấn đề này. Một điểm đáng lưu ý là con số này không tương ứng so với 79.5% hòa giải viên đã từng được tập huấn, hướng dẫn về nội dung liên quan tới bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em, thấp hơn khá nhiều so với tỷ lệ hòa giải viên đã được tập huấn, hướng dẫn.**



- **Nhiều hòa giải viên còn thiếu kiến thức, kỹ năng nhất là trong hòa giải những vụ việc nhạy cảm (như bạo lực gia đình, vụ việc liên quan đến phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật...)** nên công tác hòa giải chưa đạt được kết quả như mong muốn.

## **2. Đánh giá về tình hình bạo lực giới**

Kết quả cuộc Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam 2019 đã đưa ra những dữ liệu cụ thể về các tỷ lệ và loại hình bạo lực. Cụ thể :

- Cứ 03 phụ nữ thì có gần 02 phụ nữ (62,9%) phải chịu ít nhất một hoặc nhiều hình thức bạo lực do chồng gây ra trong đời và 31,6 % bị bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua).
- 4,4% phụ nữ cho biết họ đã bị lạm dụng tình dục trước tuổi 15 tuổi.
- Phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực nhiều hơn so với việc bị người khác bạo lực. Cứ 10 phụ nữ thì có 01 người (11,4%) trải qua bạo lực thể xác từ khi 15 tuổi do người khác gây ra. Khi phụ nữ bị bạo lực thể xác do người khác không phải là chồng gây ra, người gây bạo lực chủ yếu là thành viên nam trong gia đình (60,6%).
- Cứ 10 phụ nữ thì có 01 phụ nữ (9%) bị bạo lực tình dục do người khác gây ra từ năm 15 tuổi. Phần lớn kẻ gây ra bạo lực là nam giới không phải thành viên trong gia đình (ví dụ: nam giới là người không quen biết, bạn bè hoặc người quen; người mới quen gần đây; hoặc người làm cùng cơ quan).
- Rất nhiều vụ việc bạo lực đối với phụ nữ bị giấu kín. Một nửa phụ nữ bị chồng bạo lực chưa bao giờ kể với bất kỳ ai. Hầu hết phụ nữ (90,4%) bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng gây ra không tìm kiếm bất kỳ sự hỗ trợ nào từ các cơ quan chính quyền.
- Trẻ em cũng là nạn nhân khi sống trong môi trường bạo lực. Trong số phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác, 61,4% cho biết con cái họ đã từng chứng kiến hoặc nghe thấy bạo lực. Phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục nói rằng con cái họ (5-12 tuổi) thường có các vấn đề về hành vi.

## **3. Đánh giá cụ thể**

### **3.1. Chưa bảo đảm về tổ chức, nhân sự**

Theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở thì mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ. Tuy nhiên theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp, tính đến ngày 31/12/2020, số hòa giải viên nữ trên cả nước chỉ chiếm khoảng 28% hòa giải viên ở cơ sở (phân bố khác nhau ở các địa phương).

### **3.2. Chưa chú ý đến yếu tố giới khi hòa giải**

Điều đáng lưu ý là không phải hòa giải viên nào cũng quan tâm tới các vấn đề giới, bình đẳng giới và quyền phụ nữ, trẻ em trong các vụ việc được hòa giải. Trong các buổi hòa giải, họ thường tập trung tới mâu thuẫn, tranh chấp thay vì nhìn nhận toàn diện vấn đề chi phối hành vi của các bên như giới tính, văn hóa, tôn giáo và các nhận thức về giới.

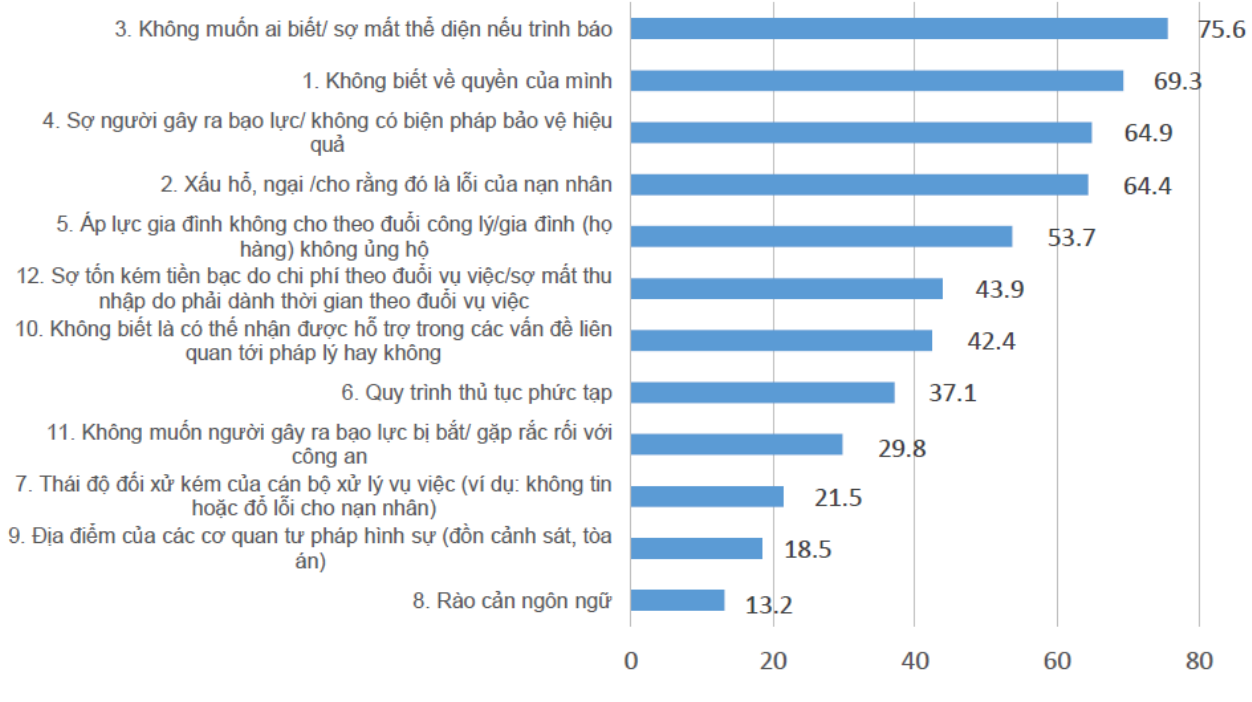
### **3.3. Vụ việc bạo lực đối với phụ nữ chưa được trình báo đầy đủ**

Như đã nêu, theo Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam 2019 có rất nhiều vụ việc bạo lực đối với phụ nữ bị giấu kín. Một nửa phụ nữ bị chồng bạo lực chưa bao giờ kể với bất kỳ ai. Hầu hết phụ nữ (90,4%) bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng gây ra không tìm kiếm bất kỳ sự hỗ trợ nào từ các cơ quan chính quyền. Vì một trong các lý do này mà con số đưa ra hòa giải cũng rất khiêm tốn.

### **3.4. Các rào cản làm hạn chế khả năng của phụ nữ/nạn nhân trong tiếp cận công lý**

Theo báo cáo khảo sát về “Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Quan niệm của phụ nữ về tiếp cận công lý”<sup>1</sup> thì mặc dù phải hứng chịu bạo lực, bị tổn thương về cả tinh thần và thể xác nhưng không muốn đi trình báo về vụ việc vì các rào cản dưới đây:

### Những rào cản lớn mà nữ nạn nhân của bạo lực phải đối mặt khi tìm kiếm công lý



#### 4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Theo Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030, liên quan đến bình đẳng giới, thì cần phải đạt được mục tiêu sau:

“c) Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.”

Thực hiện Chiến lược này, Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của Ngành Tư pháp , trong đó đưa ra các mục tiêu:

2.2. Mục tiêu 2: Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới cho các tầng lớp nhân dân nhằm thay đổi hành vi về bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Chỉ tiêu 2.1: Phấn đấu từ năm 2025 có 100% các chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật do Bộ, ngành Tư pháp chủ trì thực hiện được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 2.2: Phấn đấu đến năm 2025 có 70% và đến năm 2030 có 100% cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở của Sở Tư pháp được bồi dưỡng kiến thức về giới.”

Xuất phát từ tình hình thực việc đánh giá thực trạng lồng ghép giới trong công tác hoà giải cơ sở đồng thời đạt được các mục tiêu với các chỉ số trên, xin đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp góp phần bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động hoà giải ở cơ sở như sau:

***Giải pháp 1: Tăng cường truyền thông, phổ biến pháp luật về giới, bình đẳng giới***

***Giải pháp 2: Kịch toàn tổ hòa giải theo hướng mỗi tổ hòa giải có ít nhất 1 hòa giải viên là nữ.***

***Giải pháp 3: Nâng cao trình độ pháp luật, tập huấn cho đội ngũ hòa giải viên, cán bộ tiếp xúc ban đầu với nạn nhân*** về nhận biết các hành vi vi phạm bình đẳng giới; bạo lực trên cơ sở giới; nhận diện các hành vi bất bình đẳng giới; phạm vi hòa giải; trình tự, thủ tục, nguyên tắc hoà giải; trách nhiệm của hòa giải - nhất là trách nhiệm giữ bí mật riêng tư; kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng giúp nạn nhân vượt quan rào cản.

***Giải pháp 4: Nghiên cứu, đưa nội dung chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng về lồng ghép bình đẳng giới***

***Giải pháp 5: Trang bị cho cán bộ hỗ trợ pháp lý, hòa giải viên một số kỹ năng cần thiết.***

## LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam là một trong những nước phê chuẩn sớm nhất Công ước Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) nhằm khuyến khích các quốc gia thành viên nội luật hoá và đạt được bình đẳng giới thực chất ở nước mình. Việt Nam luôn cam kết cao thực hiện nghĩa vụ của mình với tư cách là quốc gia thành viên. Việt Nam đã cam kết thực hiện các cam kết quốc tế khác về quyền con người, quyền trẻ em, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh (1995) cũng như chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp quốc với Các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có thúc đẩy bình đẳng giới trong mọi mặt của đời sống xã hội (Mục tiêu 5)

Hòa giải ở cơ sở có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, có thể nói đây là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả. Bởi hòa giải thành sẽ hàn gắn và khôi phục tình cảm giữa các bên tranh chấp, giúp duy trì mối quan hệ đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng dân cư. Do đó, hòa giải ở cơ sở là chỗ dựa cho việc tổ chức một xã hội đoàn kết, hòa hợp, đồng thuận, người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, tạo tiền đề cho ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Vì lẽ đó hòa giải ở cơ sở không chỉ là phương thức giải quyết tranh chấp có hiệu quả mà còn là một phương thức phổ biến giáo dục pháp luật thiết thực, nhằm giữ gìn, duy trì đoàn kết trong nội bộ nhân dân; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng và nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật trong cộng đồng dân cư; hướng tới xây dựng một xã hội đồng thuận, đoàn kết, cùng thực hiện những nhiệm vụ cách mạng do Đảng và Nhà nước đề ra<sup>2</sup>.

Để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ về ***bảo đảm bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt là đảm bảo bình đẳng tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý*** và hoạt động hòa giải ở cơ sở của nạn nhân bạo lực gia đình, cần có sự phân tích, đánh giá về tình hình và kết quả lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải. Trên tinh thần đó, ***báo cáo tập trung chủ yếu vào nội dung lồng ghép giới trong hoà giải đối với các đối tượng nói chung, trong đó đặc biệt lưu ý nhóm người dễ bị tổn thương, bị bạo lực nói riêng.***

Kết quả của nghiên cứu này sẽ cung cấp và xác định các nhiệm vụ cụ thể cũng như các giải pháp và lộ trình để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu về bình đẳng giới đến năm 2030 mà Chính Chương trình trao quyền cho tư pháp và pháp lý của Liên minh Châu Âu (EU JULE) do UNDP và UNICEF thực hiện cùng với các cơ quan Nhà nước liên quan, các tổ chức giáo dục và học thuật được thiết kế để tăng cường pháp quyền thông qua cơ chế hòa giải; và thông qua một hệ thống tư pháp đáng tin cậy hơn và được tiếp cận tốt hơn và ***đặc biệt để tăng tiếp cận công lý cho phụ nữ, trẻ em và những nhóm gặp trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng cơ chế hòa giải, hệ thống tư pháp, bao gồm cả người dân tộc thiểu số và người nghèo.*** Tăng cường các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực hòa giải, lĩnh vực pháp lý và tư pháp là một trong những can thiệp chính để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

Trong khuôn khổ Chương trình EU JULE, UNDP, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ (BVSTBPN) của Bộ Tư pháp chủ trì việc tiến hành đánh giá toàn diện về thực trạng lồng ghép giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, để xây dựng chuyên đề nghiên cứu về bình đẳng giới trong hòa giải ở cơ sở nhằm cung cấp cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn phục vụ hoạt động xây dựng Kế hoạch bình đẳng giới của ngành Tư pháp giai đoạn 2021-2025.

### Mục tiêu

- Đánh giá kết quả và phân tích thực trạng lồng ghép giới trong hòa giải ở cơ sở.
- Góp phần nâng cao năng lực và hướng dẫn các cán bộ trong ngành tư pháp có thêm kỹ năng hoà giải có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới, nhằm hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới tiếp cận tới công lý được công bằng và bình đẳng.
- Trên cơ sở kết quả phân tích nêu trên, báo cáo này sẽ đưa ra các đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp để bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở theo yêu cầu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

<sup>2</sup> [https://pbgdpl.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset\\_publisher/ctFINBWOJ3XS/content/lam-tot-cong-tac-hoa-giai-o-co-so-la-gop-phan-xay-dung-y-thuc-thuong-ton-phap-luat-trong-cong-ong-dan-cu](https://pbgdpl.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/ctFINBWOJ3XS/content/lam-tot-cong-tac-hoa-giai-o-co-so-la-gop-phan-xay-dung-y-thuc-thuong-ton-phap-luat-trong-cong-ong-dan-cu)

## **Phương pháp**

- **Nghiên cứu tài liệu:** Việc đánh giá kết quả và phân tích thực trạng lồng ghép giới trong hòa giải ở cơ sở được thực hiện dựa trên các dữ liệu có sẵn và các báo cáo liên quan.
- **Hội thảo tham vấn:** Các phát hiện ban đầu từ đánh giá và phân tích được xác nhận trong các cuộc họp kỹ thuật trước khi trình bày chính thức trong các hội thảo tham vấn.
- **Hoàn thiện:** Các ý kiến đóng góp từ hội thảo tham vấn sẽ được nghiên cứu, xem xét, cân nhắc để hoàn thiện báo cáo.

### ***Hạn chế của Báo cáo:***

Trong khuôn khổ của hoạt động này, việc nghiên cứu chỉ dựa trên tài liệu thứ cấp như các báo cáo, các tài liệu và các quy định pháp luật liên quan. Các thông tin về tình hình thực tế ở cơ sở như năng lực, kỹ năng và kinh nghiệm của hòa giải viên, cũng như mức độ nhạy cảm giới của họ trong công tác hoà giải và mức độ hài lòng của người được hoà giải phần lớn dựa vào những báo cáo và kinh nghiệm thực tế của chuyên gia, và các khảo sát liên quan do chuyên gia tham gia. Vì thế nội dung báo cáo có phần hạn chế và chưa thể phản ánh được toàn diện thực tiễn bảo đảm bình đẳng giới trong công tác hòa giải cơ sở.

## I. THUẬT NGỮ VÀ KHÁI NIỆM

**Hòa giải ở cơ sở** là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở<sup>3</sup>.

**Bình đẳng giới**<sup>4</sup>. Bình đẳng giới là phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai được bình đẳng về điều kiện, đối xử và cơ hội để có thể phát huy hết tiềm năng của mình, hiện thực quyền con người và phẩm giá, và đóng góp vào, cũng như thụ hưởng từ quá trình phát triển kinh tế, xã hội văn hoá, chính trị.

**Nhạy cảm giới**<sup>5</sup>. Nhạy cảm giới là việc nhận thức được, ý thức được những sự khác biệt về nhu cầu, vai trò, trách nhiệm giữa phụ nữ và nam giới dẫn đến khác biệt về khả năng tiếp cận, kiểm soát nguồn lực và mức độ tham gia, hưởng lợi của họ trong quá trình phát triển. Từ đó cá chính sách và chương trình cần tính đến những nhu cầu đặc thù của cả phụ nữ và nam giới để phân bổ đồng đều các nguồn lực, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới được tiếp cận và thụ hưởng đầy đủ quyền bình đẳng của mình, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong thực tiễn.

**Phân biệt đối xử về giới**<sup>6</sup>. Phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Những quan niệm thiên lệch, sai lầm về khả năng, vai trò, vị trí của phụ nữ và nam giới dẫn đến việc cư xử khác nhau đối với phụ nữ và nam giới trong các mối quan hệ xã hội, gia đình, từ đó ngăn cản việc phát huy khả năng và thụ hưởng đầy đủ quyền con người của cả phụ nữ và nam giới. Sự phân biệt đối xử về giới diễn ra với nhiều hình thức và mức độ khác nhau.

Quan niệm sai lầm về vai trò của nam giới quan trọng hơn vai trò của phụ nữ đã gây ra tình trạng bất bình đẳng trong xã hội và cũng là nguyên nhân dẫn tới bạo lực đối với phụ nữ gia tăng, bởi những hành vi bạo lực do nam giới gây ra với phụ nữ thường hay được xã hội bỏ qua hoặc ‘tha thứ’. Chính vì vậy, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới cần được nhận thức rõ và gắn kết chặt chẽ đến hoạt động ngăn ngừa, xóa bỏ hành vi phân biệt đối xử, bạo lực đối với phụ nữ.

**Lồng ghép giới**. Lồng ghép giới là một phương pháp tiếp cận hay biện pháp chiến lược thúc đẩy tiến bộ về quyền của phụ nữ và trẻ em gái cũng như bình đẳng với nam giới và trẻ em trai. Đây là phương pháp tiếp cận được hệ thống Liên Hợp quốc và cộng đồng quốc tế lựa chọn nhằm thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ và trẻ em gái... Lồng ghép giới là một quá trình đánh giá những hệ lụy của kế hoạch hành động, kể cả luật pháp, chính sách và chương trình đối với trẻ em gái và trẻ em trai, phụ nữ và nam giới<sup>7</sup>.

**Bạo lực gia đình**<sup>8</sup>. Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

Bạo lực gia đình liên quan đến các hành vi lạm dụng (về thể xác, tinh dục, tinh thần, và bỏ mặc) xảy ra trong không gian riêng tư của gia đình, thường là giữa các cá nhân có quan hệ huyết thống hoặc quan hệ tình cảm. Trong hầu hết các trường hợp, hình thức bạo lực gia đình chủ yếu là “bạo lực do chồng/ bạn tình gây ra”, nhưng ở một số nơi, bạo lực chủ yếu lại do gia đình nhà chồng gây ra. Thuật ngữ “bạo lực gia đình” nên được sử dụng một cách cẩn trọng để tránh hiểu lầm, vì (1) thuật ngữ này thường trùng với “bạo lực do chồng/ bạn tình gây ra” và “bạo lực trên cơ sở giới” và (2) loại bạo lực này không chỉ xảy ra với phụ nữ. Bạo lực gia đình bao gồm cả bạo lực đối với trẻ em và người cao tuổi trong gia đình. Định nghĩa pháp lý về bạo lực gia đình có sự khác biệt giữa các quốc gia. Các định nghĩa này thường gồm cả bạo lực đối với người giúp việc sống cùng hộ gia đình<sup>9</sup>.

**Bạo lực trên cơ sở giới**. Bạo lực trên cơ sở giới (BLG), theo nghĩa gốc, là “bạo lực đối với một người bởi vì cô ấy là phụ nữ, hoặc bạo lực gây ảnh hưởng không nhỏ đối với phụ nữ. BLG bao gồm các hành vi gây ra

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 2 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

<sup>4</sup> UNICEF. Bình đẳng giới- Thuật ngữ và khái niệm. Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á. 2017

<sup>5</sup> Viện nghiên cứu về bình đẳng giới Châu Âu (<https://eige.europa.eu/thesaurus/terms/1211>).

<sup>6</sup> Điều 5 Luật Bình đẳng giới

<sup>7</sup> UNICEF. Bình đẳng giới- Thuật ngữ và khái niệm. Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á. 2017

<https://www.unicef.org/rosa/media/1761/file/Gender%20glossary%20of%20terms%20and%20concepts%20.pdf>

<sup>8</sup> Điều 1 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

<sup>9</sup> UNFPA-Bộ LĐTBXH-TCTK. Hành trình để thay đổi. Nghiên cứu Quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam. 2019.

thương tổn hay đau đớn hoặc chịu đựng về thể xác, tinh thần, hoặc tình dục, các hành vi đe dọa gây ra những hành vi trên, ép buộc hoặc tước đoạt tự do”. (...) “Bạo lực trên cơ sở giới làm tổn hại hoặc vô hiệu việc phụ nữ thụ hưởng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản theo luật pháp chung của quốc tế hoặc theo các công ước quốc tế về nhân quyền, là hành vi phân biệt đối xử như quy định tại Điều 1, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ.”<sup>10</sup>

**Tiếp xúc ban đầu**<sup>11</sup> là việc tiếp nhận việc trình báo cho cảnh sát, hồ sơ hoá các báo cáo và vào sổ vụ việc liên quan tới tội phạm, cung cấp dịch vụ tư vấn bởi luật sư, vào sổ các vụ việc dân sự, hay hành chính, cơ chế bồi thường của nhà nước và áp dụng các biện pháp cách ly, bảo trợ, các biện pháp bảo vệ trong tình hình khẩn cấp thông qua các cơ chế/cơ quan hình sự, dân sự, toà án gia đình.

Trải nghiệm tích cực về tiếp xúc ban đầu với hệ thống tư pháp, các cơ quan trợ giúp, là rất quan trọng đối với người bị bạo lực. Các dịch vụ phải có sẵn và tất cả phụ nữ đều có thể tiếp cận được.<sup>12</sup> Theo Gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực (DVTY) của Liên Hợp Quốc đưa ra, thì yếu tố quan trọng nhất của tiếp xúc ban đầu là việc cán bộ tiếp xúc có khả năng chứng minh cho người bị bạo lực thấy rằng hệ thống trợ giúp (tư pháp, hành pháp, dịch vụ y tế, xã hội) và các nhà cung cấp dịch vụ khác cam kết bảo vệ sức khỏe và sự an toàn cho nạn nhân, xem xét trình báo của nạn nhân một cách nghiêm túc, tạo điều kiện để câu chuyện của nạn nhân được lắng nghe và mong muốn bảo đảm rằng nạn nhân sẽ nhận được hỗ trợ tốt trong suốt quá trình giải quyết vụ việc.<sup>13</sup>

Một trong những quy tắc cơ bản là cần tách riêng người bị bạo lực và người có hành vi vi phạm để tạo điều kiện cho người bị bạo lực có thể nói chuyện riêng, để hiểu rõ những gì đã xảy ra. Người bị bạo lực thường quyết định tự mình giải quyết sự việc do nghĩ rằng bản thân sẽ không được gia đình, các cơ quan trợ giúp và cộng đồng tin tưởng. Đây có lẽ là lý do phổ biến nhất được đưa ra để họ không liên hệ với cảnh sát hoặc các nhà cung cấp dịch vụ khác.

Nghiên cứu chỉ ra lý do tại sao phụ nữ không liên hệ với hoặc các dịch vụ trợ giúp khác nhau. Ví dụ, *Tổ chức An ninh và hợp tác châu Âu (OSCE)* cung cấp thông tin chi tiết về những rào cản điển hình mà phụ nữ và trẻ em gái phải đối mặt và lý do tại sao họ thích tự mình đối phó với các vụ bạo lực:

- **Xấu hổ, xấu hổ liên quan đến một số hình thức bạo lực và ly hôn;**
- **Thiếu tin tưởng vào các tổ chức:** phụ nữ không trông đợi hành động ứng phó hiệu quả từ cảnh sát hoặc sợ rằng các tổ chức này sẽ không tin tưởng mình;
- **Thiếu nhận thức về các dịch vụ chuyên biệt:** phụ nữ không biết họ có thể đi đâu để được giúp đỡ;
- **Lý do tài chính,** lo ngại rằng người phụ nữ không thể tự nuôi sống bản thân và con cái về mặt tài chính và sẽ không nhận được sự hỗ trợ từ gia đình của mình;
- **Sợ người gây bạo lực trả thù:** phụ nữ sợ rằng bạo lực có thể leo thang.

Nguồn: UNODC, UNWomen. *Sổ tay hướng dẫn hành pháp có trách nhiệm giới*

<sup>10</sup> Các khuyến nghị chung của Ủy ban về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, năm 1992.

<sup>11</sup> UNODC.Ausaid. UN Women. Sổ tay hướng dẫn thực hiện các dịch vụ hành pháp có trách nhiệm giới đối với phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực

<sup>12</sup> Xem Hợp phần 3: Tư pháp và hành pháp, *Gói DVTY dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực: Các yếu tố cốt lõi và nguyên tắc chất lượng* (2015), các trang 6-7.

<sup>13</sup> Để biết các dịch vụ và hướng dẫn thiết yếu liên quan đến người bị bạo lực là trẻ em gái, xem *Hướng dẫn về tư pháp trong các vấn đề liên quan đến nạn nhân và nhân chứng tội phạm là Trẻ em* (Nghị quyết ECOSOC 2005/20).

## II. KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

### 1. Khung pháp luật quốc tế

- Tuyên bố chung của Liên Hợp quốc về nhân quyền 1948 (UDHR) công nhận rằng tất cả mọi người sinh ra tự do, bình đẳng về phẩm giá và vì thế mọi người đều được hưởng các quyền và tự do, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính. Đây là văn kiện gốc làm nền tảng cho sự bình đẳng giữa con người với con người nói chung và bình đẳng giới nói riêng.
- Các công ước Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW), Công ước về quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và Công ước về quyền kinh tế xã hội và văn hoá (ICESCR) nêu quyền bình đẳng của phụ nữ trong mọi mặt của đời sống văn hoá, chính trị và kinh tế.
- Công ước LHQ về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW, 1979)<sup>14</sup> yêu cầu các quốc gia thành viên thúc đẩy bình đẳng giữa nam và nữ trong chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự hoặc bất kỳ lĩnh vực nào khác; đảm bảo Chính phủ thông qua luật pháp, chính sách hoặc hành động, không phân biệt đối xử với phụ nữ<sup>15</sup>.
- Khuyến nghị chung số 3 của Ủy ban Công ước CEDAW *Kêu gọi tất cả các quốc gia thành viên thông qua cả chương trình giáo dục và thông tin công chúng một cách hiệu quả nhằm góp phần xoá bỏ các định kiến và thông lệ gây cản trở việc thực hiện đầy đủ nguyên tắc bình đẳng xã hội của phụ nữ*<sup>15</sup>.
- Trong Khuyến nghị chung số 28, Ủy ban CEDAW giải thích trong đoạn 15: “**Vấn đề ‘phân biệt đối xử dưới mọi hình thức’** yêu cầu các quốc gia thành viên phải nghiêm túc lên án mọi hình thức phân biệt đối xử, kể cả các hình thức không được nêu cụ thể trong Công ước hoặc có thể mới xuất hiện”.
- Khuyến nghị của Ủy ban CEDAW đối với VN năm 2015, Ủy ban hoan nghênh những nỗ lực của Việt Nam nhằm xây dựng năng lực tư pháp về bình đẳng giới. Ủy ban khuyến khích Việt Nam áp dụng các biện pháp chiến lược toàn diện nhằm giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của vấn đề bất bình đẳng nhằm xoá bỏ phân biệt đối xử về giới; Đẩy mạnh nâng cao nhận thức nhằm xoá bỏ những khuôn mẫu giới gắn liền với vai trò giới truyền thống trong gia đình và trong xã hội, đối tượng tác động là quan chức các cấp, cán bộ hành pháp và tư pháp, giáo viên, cha mẹ và các nhà lãnh đạo cộng đồng; Đoạn 19, khoản d, “**Rà soát việc sử dụng hình thức hòa giải và đảm bảo rằng phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình có thể tiếp cận hiệu quả tới những lệnh bảo vệ và biện pháp giải quyết về mặt pháp luật**”
- Khuyến nghị chung số 16, đoạn 20 của ICESCR (Công ước về quyền Kinh tế, xã hội và văn hoá) yêu cầu các quốc gia thành viên phải điều chỉnh hành vi của các chủ thể ngoài nhà nước để thúc đẩy bình đẳng giới. Công ước này cũng yêu cầu các quốc gia thành viên, các cơ quan chính phủ cùng với các tổ chức phi chính phủ “đẩy mạnh các nỗ lực nhằm bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người của phụ nữ và trẻ em gái”
- Chương trình nghị sự của Liên Hợp Quốc về Mục tiêu phát triển bền vững tới năm 2030, (SDGs) thực hiện từ năm 2015 đến năm 2030 với 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu. “Bình đẳng giới” là mục tiêu số 5 trong số 17 mục tiêu bảo đảm cho phát triển bền vững. Đây là một trong những nội dung quan trọng thể hiện Liên hợp quốc rất quan tâm đến việc bình đẳng giữa nam và nữ, để tạo điều kiện thuận lợi nhất để tất cả mọi người trong xã hội có cơ hội và điều kiện phát triển trong môi trường công bằng.
- Cương lĩnh hành động Bắc Kinh năm 1995<sup>16</sup>, được thông qua tại Hội nghị lần thứ 4 của LHQ về phụ nữ. Cương lĩnh nhìn nhận lồng ghép giới là một chiến lược toàn cầu để thúc đẩy bình đẳng giới

<sup>14</sup> <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-ve-xoa-bo-moi-hinh-thuc-phan-biet-doi-xu-chong-lai-phu-nu-1979-269872.aspx>

<sup>15</sup> UNFPA- Bộ LĐTBXH. Báo cáo rà soát độc lập 10 năm thực hiện Luật Bình đẳng giới. 2020.

<sup>16</sup> [https://nature.org.vn/wp-content/uploads/2018/12/131218\\_TOT\\_Khung-phap-ly-quoc-te.pdf](https://nature.org.vn/wp-content/uploads/2018/12/131218_TOT_Khung-phap-ly-quoc-te.pdf)



## 2. Khung pháp luật trong nước

### 2.1. Quyền con người

#### Hiến pháp 2013

Theo Hiến pháp thì các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật<sup>17</sup>. Trên tinh thần đó, Điều 26 quy định:

1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.
2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.

#### 1.1 Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới

##### 2.2.1. Luật Bình đẳng giới

Luật Bình đẳng giới quy định nam, nữ bình đẳng với nhau trong mọi lĩnh vực và nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.

+ *Nội dung của bình đẳng giới*

- Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị theo Điều 11 Luật BĐG
- Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế theo Điều 12 Luật BĐG
- Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động. Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động theo Điều 13 Luật BĐG
- Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo Điều 14 Luật BĐG
- Bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo Điều 15 Luật BĐG
- Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao. Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao theo Điều 16 Luật BĐG
- Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế. Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế theo Điều 17 Luật BĐG
- Bình đẳng giới trong gia đình. Bình đẳng giới trong gia đình theo Điều 18 Luật BĐG Cơ sở pháp lý của việc bảo đảm BGD

+ *Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực BGD*

Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực BGD bao gồm: Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới; Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức; Bạo lực trên cơ sở giới; Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật<sup>18</sup>.

Theo quy định tại Điều 39 Luật BGD thì mọi hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Việc xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để theo đúng quy định của pháp luật.

+ *Các hành vi vi phạm BGD, các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo Luật BGD*

Theo quy định tại Luật BGD thì các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới bao gồm: Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế.

##### 2.2.2. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo ND 25/2021/NĐ-CP

Về cơ bản, hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới được quy định tại ND 25/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, trên thực tiễn, vẫn có một số hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực bình đẳng giới không được quy định tại Nghị định này, mà được quy định tại các Nghị định liên quan khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính.

##### 2.2.3. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo ND 144/2021/NĐ-CP

<sup>17</sup> K.1, Đ.14 Hiến pháp 2013

<sup>18</sup> Điều 10 Luật BGD

NĐ 144/2021/NĐ-CP quy định các hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới như sau:

Điều 52. Hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình

Điều 53. Hành vi hành hạ, ngược đãi thành viên gia đình

Điều 54. Hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên gia đình

Điều 55. Hành vi cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý

Điều 56. Hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau

Điều 57. Vi phạm quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Điều 58. Hành vi bạo lực về kinh tế

Điều 59. Hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

#### **2.2.4. Các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bình đẳng giới theo Bộ Luật Hình sự (LHS)**

LHS quy định các tội sau đây liên quan đến bình đẳng giới:

Điều 141-Tội hiếp dâm; Điều 142- Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; Điều 143- Tội cưỡng dâm; Điều 144. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Điều 145- Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Điều 146- Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; Điều 150- Tội mua bán người; Điều 151- Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Điều 147- Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm; Điều 133: Tội đe dọa giết người; Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Điều 155: Tội làm nhục người khác; Điều 157: Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật; Điều 158: Tội xâm phạm chỗ ở của người khác; Điều 164. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; Điều 165: Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới.

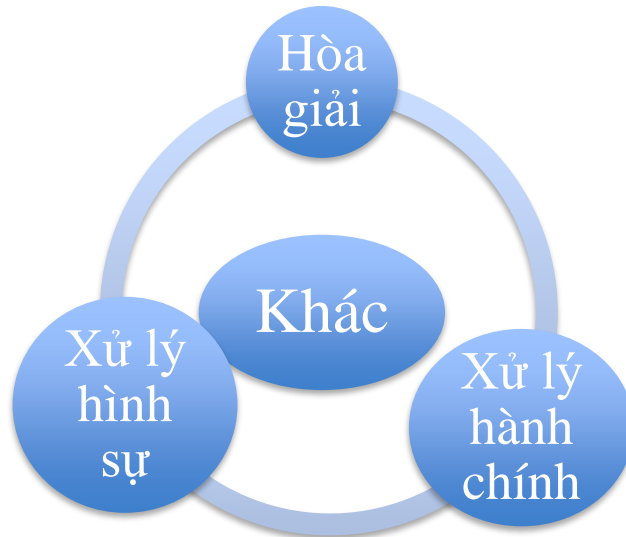
### III. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HGCS

#### 1. Hòa giải cơ sở

##### 1.1 Khái niệm

Theo Điều 2 Luật HGCS thì hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật HGCS.

##### 1.2 Phạm vi hòa giải



Điều 3 Luật hòa giải ở cơ sở quy định hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật. Nhằm cụ thể và quy định chi tiết phạm vi hòa giải ở cơ sở, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở (Nghị định số 15/2014/NĐ-CP) quy định các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật được tiến hành hòa giải ở cơ sở.

Theo quy định tại Điều 42 Luật BĐG thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, theo quy định các pháp luật liên quan, trong một số trường hợp, các hành vi vi phạm sẽ được giải quyết bằng con đường hòa giải theo pháp luật về hòa giải.

*Cần đặc biệt lưu ý, phạm vi hòa giải ở cơ sở chỉ bao gồm:*

1. Việc hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật, trừ các trường hợp sau đây:

- Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;
- Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự không được hòa giải;
- Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính;
- Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở theo quy định pháp luật.<sup>19</sup>

Quy định chi tiết Điều này, Chính phủ ban hành Nghị định 15/2014/NĐ-CP, theo đó, trên tinh thần của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021, phạm vi hòa giải ở cơ sở bao gồm:

1. Hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật sau đây:

<sup>19</sup> Điều 3 Luật HGCS

- a) Mâu thuẫn giữa các bên (do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác);
  - b) Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất;
  - c) Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình như tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn;
  - d) Vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật những việc vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính;
  - e) Vi phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp sau đây:  
Không bị khởi tố vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  
Pháp luật quy định chỉ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, nhưng người bị hại không yêu cầu khởi tố theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  
Vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 230 của Bộ luật tố tụng hình sự hoặc đình chỉ vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;
  - f) Vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Chương II Phần thứ năm của Luật xử lý vi phạm hành chính;
  - g) Những vụ, việc khác mà pháp luật không cấm.
2. Không hòa giải các trường hợp sau đây:
- a) Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;
  - b) Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình mà theo quy định của pháp luật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội;
  - c) Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ các trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này;
  - d) Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính, trừ các trường hợp quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này;
  - đ) Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 3 của Luật hòa giải ở cơ sở, bao gồm:  
Hòa giải tranh chấp về thương mại được thực hiện theo quy định của Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Hòa giải tranh chấp về lao động được thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành.”<sup>20</sup>

## **2. Đặc điểm của bình đẳng giới trong hoà giải cơ sở**

### **2.1. Chủ yếu HGCS các vi phạm**

Khoản 5 Điều 4 của Luật hoà giải cơ sở quy định nguyên tắc “Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở”. Theo đó, Luật Hòa giải ở cơ sở thể hiện mục tiêu bình đẳng giới, quy định chung về giới cho các hòa giải viên, các bên là thành viên gia đình hoặc cá nhân tham gia hòa giải, không có sự phân biệt đối xử về giới, mọi người đều có thể tham gia hòa giải và được hòa giải.

<sup>20</sup> Điều 5, ND 15/2014/NĐ-CP

- **Nguyên tắc bình đẳng giới được thể hiện trong các quy định đối với hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải.** Từ Điều 7 đến Điều 15) thể hiện sự trung tính về giới, bảo đảm sự bình đẳng về giới trong lựa chọn, bầu hòa giải viên; trong quyền, nghĩa vụ của các hòa giải viên cũng như trong việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải.  
Điều 7,8 của Luật Hòa giải nêu những tiêu chuẩn chung cho cả nam và nữ cho hòa giải viên, không có sự phân biệt đối xử. Điều 9, Điều 10 của Luật, tất cả các hòa giải viên không phân biệt nam, nữ đều có quyền thực hiện các hoạt động hòa giải, được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ;  
Hòa giải viên nữ tham gia tổ hòa giải không chỉ với tư cách là đại diện cho phụ nữ ở cộng đồng mà còn là những người thấu hiểu tâm lý của phụ nữ, dễ gần gũi, tiếp cận với phụ nữ khi tiến hành hòa giải, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ, chống phân biệt đối xử về giới, định kiến giới.
- **Nguyên tắc bình đẳng giới được thể hiện trong các quy định đối với các bên được hòa giải<sup>21</sup>**  
Theo quy định của Luật HGCS, các bên với tư cách *thành viên gia đình hoặc cá nhân được hòa giải đều có quyền, trách nhiệm như nhau trong quá trình hòa giải, không phân biệt đối xử giữa nam và nữ.* Các bên có quyền yêu cầu, lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải; đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải; được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải v.v... Nguyên tắc này hoàn toàn phù hợp với Khuyến nghị chung số 28 của Ủy ban CEDAW đối với các quốc gia thành viên là “*nghiêm túc lên án mọi hình thức phân biệt đối xử, kể cả các hình thức không được nêu cụ thể trong Công ước hoặc có thể mới xuất hiện*”.

Các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở về địa điểm, thời gian hòa giải, tiến hành hòa giải, hòa giải giữa các bên ở thôn, tổ dân phố khác nhau, kết thúc hòa giải, thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, hòa giải không thành đều thể hiện sự trung tính về giới, không có sự phân biệt hay ưu tiên trên cơ sở giới tính của các bên được hòa giải. Theo đó, địa điểm hòa giải là nơi xảy ra vụ, việc hoặc nơi do các bên hoặc hòa giải viên lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên; các quy định về phân công hòa giải viên, người được mời tham gia hòa giải, thời gian, địa điểm hòa giải được quy định rất linh hoạt, bảo đảm sự phù hợp đối với đặc thù của các bên trong vụ việc, giúp cho hoạt động hòa giải bảo đảm tuân thủ đúng nguyên tắc bình đẳng giới, bảo vệ quyền của phụ nữ.

Các nguyên tắc bình đẳng giới trong HGCS được áp dụng cho tất cả các vụ hòa giải, tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy việc hòa giải đa phần áp dụng đối với các hành vi vi phạm pháp luật (mà theo quy định của pháp luật không bị xử lý vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự) nhưng vấn đề giới chưa thực sự được chú trọng – nhất là đối với bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới, do vậy, có thể tạm kết luận: Nguyên tắc bình đẳng giới chủ yếu được áp dụng đối với các vụ hòa giải các vi phạm.

## **2.2. Thành phần tổ hòa giải**

Xuất phát từ đặc điểm: HGCS chủ yếu các vi phạm/ bạo lực trên cơ sở giới, nên Khoản 1 Điều 12 của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định: “... Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ”. Thực hiện quy định này, việc xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải cần bảo đảm các tổ hòa giải đều có ít nhất 01 hòa giải viên nữ. Quá trình rà soát tiêu chuẩn, lựa chọn, bầu hòa giải viên; bầu tổ trưởng tổ hòa giải... bảo đảm đúng quy định pháp luật, không phân biệt đối xử nam, nữ, bảo đảm sự công bằng và bình đẳng giới.

## **2.3. Xử lý hành vi BLG thông qua hòa giải**

### **2.3.1. Lưu ý chung**

Một trong các lựa chọn được cân nhắc để giải quyết ban đầu ngay là chuyển vụ việc đến tổ hòa giải cơ sở. Tuy nhiên, cần lưu ý: Chỉ hòa giải nếu vụ việc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý hành chính, góp ý phê bình tại cộng đồng dân cư.

<sup>21</sup> Thảo Anh. Bảo đảm bình đẳng giới trong Luật hoà giải cơ sở. <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=119>

Theo Luật hòa giải cơ sở 2013, chỉ có thể tiến hành hòa giải có sự nhất trí của cả hai bên, hòa giải ở địa điểm mà nạn nhân lựa chọn. Không hòa giải ở những trường hợp bạo lực tái diễn nhiều lần, có thương tích. Cán bộ hòa giải không áp đặt kinh nghiệm chủ quan của mình trong hòa giải mà phải dựa trên nguyên tắc Luật HGCS. Thực tế hòa giải thường chỉ áp dụng đối với các hành vi BLD. Không tiến hành hòa giải với những trường hợp bạo lực tình dục, hiếp dâm và buôn bán người.

### 2.3.2 Nguyên tắc hòa giải trong Luật HGCS

Khi tiến hành hoạt động hòa giải, cần chú ý các nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở sau đây:

- Tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong HGCS.
- Bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi.
- Khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin đòi tư của các bên, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Luật này.
- Tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.
- Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.
- Không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự<sup>22</sup>.

### 2.3.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hòa giải

Quyền và nghĩa vụ sau đây của các bên trong hòa giải phải được tôn trọng, đặc biệt tránh tình trạng áp đặt bên yêu cầu hòa giải tiếp tục hòa giải trong trường hợp họ yêu cầu tạm dừng, từ chối hòa giải, chấm dứt hòa giải:

- Lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải.
- Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải.
- Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai.
- Được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải.
- Trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.
- Tôn trọng hòa giải viên, quyền của các bên có liên quan.
- Không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa điểm hòa giải<sup>23</sup>.

---

<sup>22</sup> Điều 4 Luật Hòa giải

<sup>23</sup> Điều 17 Luật Hòa giải

## IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HGCS

### 1. Đánh giá chung

Ngày 3/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28-NQ/CP ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, trong đó giao các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong lĩnh vực tư pháp, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ (BVSTBPN), Bộ Tư pháp được giao làm đầu mối xây dựng Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025. Hòa giải ở cơ sở được điều chỉnh bởi Luật HGCS năm 2013, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hòa giải ở cơ sở.

Sự ra đời của Luật HGCS năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đánh dấu một bước phát triển mới quan trọng trong công tác HGCS, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn khi mà các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật trong đời sống của cộng đồng dân cư ngày càng tăng về số lượng và đa dạng, phức tạp về nội dung mâu thuẫn, tranh chấp.

Việc thực hiện Luật HGCS trên toàn quốc đã tác động tích cực đến đời sống xã hội, tạo cơ sở pháp lý toàn diện, đầy đủ và vững chắc cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đi vào nề nếp, thống nhất và hiệu quả, qua đó khẳng định vị trí và vai trò quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở trong đời sống xã hội. Tính đến hết tháng 12/2017, cả nước có 107.561 tổ hòa giải được thành lập tại thôn, tổ dân phố với 651.215 hòa giải viên, trong đó số hòa giải viên nữ là 183.004 (chiếm 28,1%); số hòa giải viên là người dân tộc thiểu số là 165.146 (chiếm 25,4%). Đa phần các tổ hòa giải đều bảo đảm đúng, đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. Số vụ việc hòa giải thành tính từ năm 2014 đến hết năm 2017 là 472.197/579.609 vụ việc hòa giải, đạt tỷ lệ 81,45%, tỷ lệ hòa giải thành tăng bền vững giữa các năm<sup>24</sup>.

Tiêu chuẩn, số lượng hòa giải viên và thành phần của tổ hòa giải bảo đảm đúng theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở, quy tụ được lực lượng nòng cốt, có uy tín, kinh nghiệm trong cộng đồng dân cư, bảo đảm hoạt động hòa giải đạt hiệu quả cao; đồng thời, bảo đảm được sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, đoàn thể của nhân dân trong công tác hòa giải ở cơ sở. Các hòa giải viên có ý thức tích cực nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật, kỹ năng hòa giải để thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở ngày một tốt hơn, tỷ lệ hòa giải thành cao hơn, góp phần đề cao giá trị nhân văn, ý nghĩa cao đẹp của công tác hòa giải ở cơ sở. Một số địa phương đã quan tâm, bố trí nguồn kinh phí nhất định phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hòa giải ở cơ sở nên đã khích lệ, động viên các hòa giải viên thực hiện hòa giải, phát huy tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng.

Hàng năm, đội ngũ cán bộ, công chức được giao tham mưu, quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở từ trung ương đến địa phương đều được rà soát, củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực đã tạo điều kiện cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở đi vào nề nếp, hoạt động chỉ đạo, điều hành và thực hiện từ trung ương đến địa phương được thông suốt. Nhiều địa phương đã có những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả, huy động được các nguồn lực khác trong xã hội. Ví dụ: Hội thi hòa giải viên giỏi tại tỉnh Hà Tĩnh năm 2018, mô hình Câu lạc bộ hòa giải được thành lập tại Đồng Tháp nhằm tạo điều kiện để các hòa giải viên tiếp cận, cập nhật những kiến thức pháp luật mới kịp thời và cùng trao đổi kinh nghiệm để vận dụng vào công tác hòa giải, góp phần nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở; Lạng Sơn khi xây dựng tổ hòa giải điển hình tiên tiến đã đồng thời ban hành các tiêu chí đánh giá (Tổ hòa giải có từ 5 tổ viên trở lên, có đủ đại diện các tổ chức Hội, đoàn thể ở cơ sở tham gia); Hòa giải viên có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở; Các vụ việc hòa giải thành đạt 90% trở lên; Không có vụ việc hòa giải trái thẩm quyền; Vận dụng linh hoạt, có hiệu quả phương pháp, cách thức hòa giải kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các bên tranh chấp; Chủ động mời, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, trong dòng họ... tham gia công tác hòa giải ở cơ sở); tại thành phố Hà Nội, nhiều đơn vị quận, huyện vẫn tích cực duy trì mô hình hoạt động tổ hòa

<sup>24</sup> Vũ Nguyên. Thực trạng công tác hoà giải cơ sở và khả năng xã hội hoá. <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=88>

giải 5 tốt (phát hiện vụ việc kịp thời, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tốt, tổ chức hòa giải tốt (hòa giải thành từ 80% trở lên), bồi dưỡng, tập huấn hòa giải viên tốt, định kỳ giao ban, báo cáo sơ kết, tổng kết)<sup>25</sup>.

Năm 2020, hòa giải viên ở cơ sở đã tiếp nhận 128.977 vụ việc, trong đó, hòa giải thành 101.899 vụ việc. Trong đó, số vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình chiếm 1/3 tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải. Các vụ việc hòa giải không thành liên quan đến tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình chỉ chiếm khoảng 6% (8.261 vụ việc). Theo nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam đa số các vụ việc bạo lực gia đình tại Việt Nam được xử lý bằng biện pháp hòa giải. Đồng thời, thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, các hòa giải viên đã tích cực tuyên truyền, động viên các thành viên trong gia đình không ngừng phát huy những giá trị đạo đức truyền thống như sự yêu thương, chăm sóc, đùm bọc lẫn nhau, thủy chung, hiếu nghĩa, kính trên nhường dưới, đối xử công bằng, bình đẳng, không phân biệt về giới v.v...

Bên cạnh những lợi ích và ưu điểm của hoà giải cơ sở mang lại, thì công tác hoà giải cơ sở vẫn còn một số bất cập, ví dụ như:

- **Quản trị công tác hoà giải cơ sở.** Một số địa phương chưa nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở nên việc chỉ chỉ đạo, đầu tư kinh phí, nguồn lực cho công tác hòa giải ở cơ sở còn hạn chế, chưa phát huy hết trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở tại địa phương; cán bộ tại cấp xã còn mỏng lại kiêm nhiệm, nên chưa dành nhiều thời gian cho công tác hòa giải cơ sở; năng lực chuyên môn của một bộ phận công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã, Hòa giải viên còn hạn chế do không được bồi túc, tập huấn thường xuyên, nhất là các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.
- **Phối hợp giữa cơ quan trong công tác hòa giải cơ sở** chưa được thực hiện một cách thường xuyên và thiếu sự chủ động.
- **Tổ chức hòa giải ở cơ sở và hòa giải viên.** Chất lượng, hiệu quả hòa giải ở cơ sở chưa cao, không đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống; nhiều mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở chưa được phát hiện hoặc được phát hiện nhưng chưa được hòa giải, hòa giải không kịp thời, hòa giải không thành; Trong quá trình hòa giải, vẫn còn tình trạng hòa giải viên vi phạm quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở gây tác động tiêu cực đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, giảm chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở và tính nghiêm minh của pháp luật. Trình độ học vấn, kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải của đa số hòa giải viên còn thấp (*trong số 651.215 hòa giải viên chỉ có 28.006 người có trình độ chuyên môn Luật, chiếm tỷ lệ 4,3%*)<sup>26</sup>. Đội ngũ hòa giải viên rất ít được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải<sup>27</sup>.
- **Thiếu hoà giải viên nữ** . Theo số liệu báo cáo thống kê của 63 tỉnh, thành phố, đến năm 2020, cả nước có 88.765 tổ hòa giải với 548.367 hòa giải viên, trong đó có 153.119 hòa giải viên nữ; không địa phương nào báo cáo có tổ hòa giải không có hòa giải viên nữ. Một số địa phương có tỷ lệ hòa giải viên nữ cao như TP. Hồ Chí Minh 43%, TP. Hải Phòng 39%, tỉnh Quảng Minh 37,67%... Tuy nhiên tính đến ngày 31.12.2020, số hòa giải viên nữ trên cả nước chỉ chiếm khoảng 28% hòa giải viên ở cơ sở, trong khi đó theo quy định thì Tổ hòa giải phải có sự tham gia của hòa giải viên nữ<sup>28</sup>.
- **Thiếu nhạy cảm giới trong công tác hoà giải.** Không phải hòa giải viên nào cũng quan tâm tới các vấn đề giới, bình đẳng giới và quyền phụ nữ, trẻ em trong các vụ việc được hòa giải. Trong các buổi hòa giải, họ thường tập trung tới mâu thuẫn, tranh chấp thay vì nhìn nhận toàn diện vấn đề chi phối hành vi của các bên như giới tính, văn hóa, tôn giáo và các nhận thức về giới<sup>29</sup>.

<sup>25</sup> Vũ Nguyên. Thực trạng công tác hoà giải cơ sở và khả năng xã hội hoá.<https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=88>

<sup>26</sup> Vũ Nguyên. Thực trạng công tác hoà giải cơ sở và khả năng xã hội hoá.<https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=88>

<sup>27</sup> Vũ Nguyên. Thực trạng công tác hoà giải cơ sở và khả năng xã hội hoá.<https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=88>

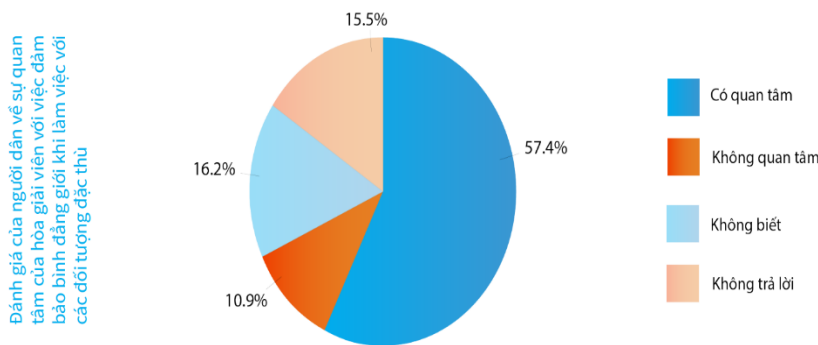
<sup>28</sup> <https://daibieunhandan.vn/long-ghep-gioi-va-hoa-giai-o-co-so-a4qc6pmss-67398>

<sup>29</sup> <https://daibieunhandan.vn/long-ghep-gioi-va-hoa-giai-o-co-so-a4qc6pmss-67398>

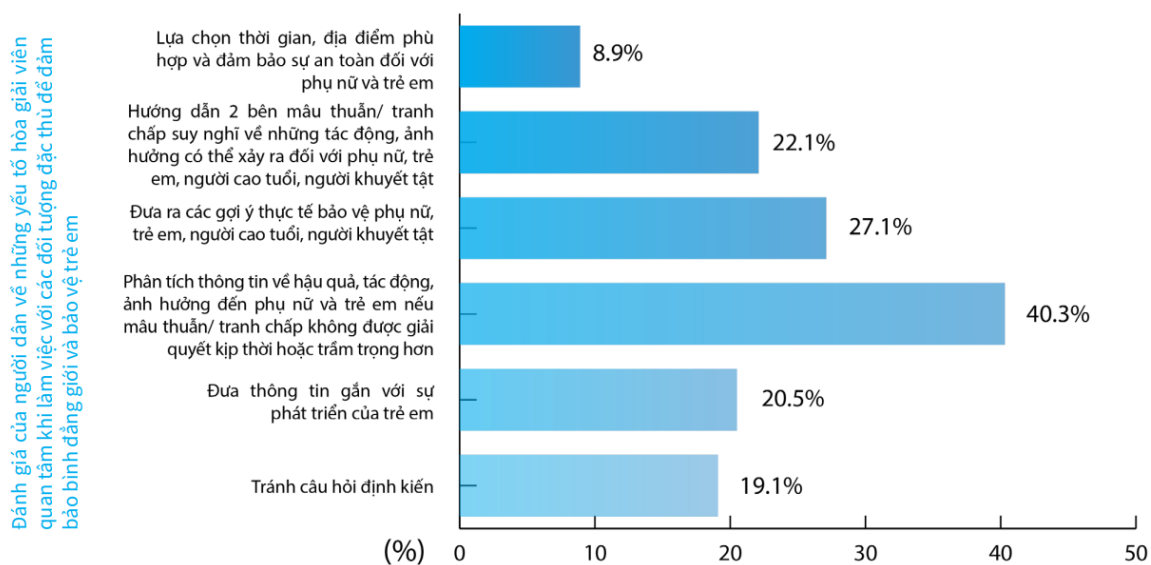


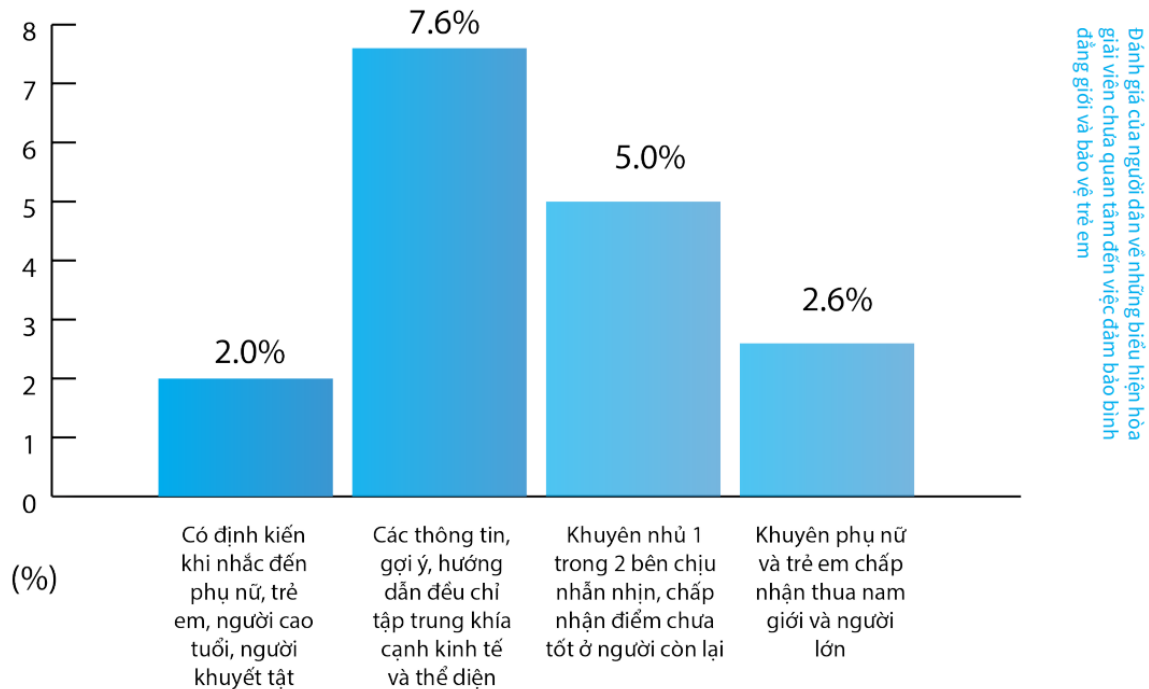
Hoà giải viên chủ yếu vận dụng những kinh nghiệm sẵn có của bản thân, hoà giải dựa trên ý chí chủ quan của bản thân. Ngoài ra, các thành viên trong tổ hoà giải vẫn còn thiếu kiến thức cơ bản về bình đẳng giới và thiếu nhạy cảm giới trong xử lý công việc của mình.

Theo Báo cáo “Thực trạng giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải ở cơ sở” thì phản hồi của người dân về cách thức hòa giải viên bảo đảm bình đẳng giới khi làm việc với nhóm đối tượng đặc thù được đánh giá như sau: Tìm hiểu về nhận thức của hòa giải viên về vấn đề bảo đảm bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em, trong quá trình hòa giải, khảo sát và phỏng vấn người dân được hòa giải cho thấy, chỉ 57.4% số người được hòa giải cho rằng hòa giải viên có quan tâm đến vấn đề này, 10.9% cho rằng hòa giải viên cơ sở không chú ý tới các vấn đề này. Một điểm đáng lưu ý là con số này không tương ứng so với 79.5% hòa giải viên đã từng được tập huấn, hướng dẫn về nội dung liên quan tới bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em thấp hơn khá nhiều so với tỷ lệ hòa giải viên đã được tập huấn, hướng dẫn. Như vậy, việc được tập huấn và việc áp dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn còn có khoảng cách lớn, thể hiện ở hai bảng sau: Đánh giá của người dân về sự quan tâm của hòa giải viên với việc đảm bảo bình đẳng giới khi làm việc với các đối tượng đặc thù



So sánh các nội dung về bảo đảm bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em khi làm việc với đối tượng đặc thù mà hòa giải viên đã được tập huấn với đánh giá của người dân được hòa giải cho thấy việc áp dụng các nội dung này thấp hơn khá nhiều so với tỷ lệ hòa giải viên đã được tập huấn, hướng dẫn. Như vậy, việc được tập huấn và việc áp dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn còn có khoảng cách lớn, thể hiện ở hai bảng sau:





Đánh giá của người dân về những biểu hiện hòa giải viên chưa quan tâm đến việc đảm bảo bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em

Các cán bộ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở cũng có ý kiến cho rằng, nhiều hòa giải viên còn thiếu kiến thức, kỹ năng nhất là trong hòa giải những vụ việc nhạy cảm (như bạo lực gia đình, vụ việc liên quan đến phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật...) nên công tác hòa giải chưa đạt được kết quả như mong muốn.

## 2. Đánh giá về tình hình bạo lực giới

Theo Luật Hòa giải cơ sở và Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở (Nghị định số 15/2014/NĐ-CP) thì phạm vi hòa giải bao gồm các lĩnh vực dân sự, hôn nhân gia đình, vi phạm hành chính, vi phạm hình sự nhưng không phải xử lý hình sự, xử lý hành chính. Theo đó, vấn đề bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải cần phải được chú trọng đối với tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, như nói hiện nay vẫn là vấn đề hòa giải bạo lực trên cơ sở giới (bạo lực giới), do vậy, báo cáo nghiên cứu tập trung sâu vào khía cạnh này.

Kết quả cuộc Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam 2019<sup>30</sup> đã đưa ra những dữ liệu cụ thể về các tỷ lệ và loại hình bạo lực. Cụ thể :

Cứ 03 phụ nữ thì có gần 02 phụ nữ (62,9%) phải chịu ít nhất một hoặc nhiều hình thức bạo lực do chồng gây ra trong đời và 31,6 % bị bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua). Trừ bạo lực tình dục, tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ do chồng gây ra năm 2019 thấp hơn so với năm 2010. Ví dụ, phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác trong đời năm 2019 (26,1%) ít hơn so với năm 2010 (31,5%). Điều này rõ ràng hơn với nhóm phụ nữ trẻ. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ bị chồng bạo lực tình dục trong đời năm 2019 (13,3%) cao hơn so với năm 2010 (9,9%). Điều này đặc biệt đúng ở nhóm phụ nữ trẻ ở độ tuổi từ 18 - 24 (13,9% năm 2019 so với 5,3% năm 2010). Mặc dù điều này phản ánh sự gia tăng của tình trạng bạo lực nhưng cũng có thể là kết quả của sự thay đổi nhận thức xã hội mà ở đó phụ nữ cởi mở hơn khi nói về tình dục và bạo lực tình dục.

Phụ nữ khuyết tật bị các hình thức bạo lực do chồng gây ra cao hơn so với phụ nữ không bị khuyết tật. 4,4% phụ nữ cho biết họ đã bị lạm dụng tình dục trước tuổi 15 tuổi. Phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực nhiều hơn so với việc bị người khác bạo lực. Cứ 10 phụ nữ thì có 01 người (11,4%) trải qua bạo lực thể xác từ khi 15 tuổi

<sup>30</sup> Bộ LĐTBXH-TCTK-UNFPA. *Hành trình để thay đổi: Báo cáo nghiên cứu tình hình bạo lực đối với phụ nữ Việt Nam. 2019*

do người khác gây ra. Khi phụ nữ bị bạo lực thể xác do người khác không phải là chồng gây ra, người gây bạo lực chủ yếu là thành viên nam trong gia đình (60,6%).

Cứ 10 phụ nữ thì có 01 phụ nữ (9%) bị bạo lực tình dục do người khác gây ra từ năm 15 tuổi. Phần lớn kẻ gây ra bạo lực là nam giới không phải thành viên trong gia đình (ví dụ: nam giới là người không quen biết, bạn bè hoặc người quen; người mới quen gần đây; hoặc người làm cùng cơ quan).

Rất nhiều vụ việc bạo lực đối với phụ nữ bị giấu kín. Một nửa phụ nữ bị chồng bạo lực chưa bao giờ kể với bất kỳ ai. Hầu hết phụ nữ (90,4%) bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng gây ra không tìm kiếm bất kỳ sự hỗ trợ nào từ các cơ quan chính quyền.

Trẻ em cũng là nạn nhân khi sống trong môi trường bạo lực. Trong số phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác, 61,4% cho biết con cái họ đã từng chứng kiến hoặc nghe thấy bạo lực. Phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục nói rằng con cái họ (5-12 tuổi) thường có các vấn đề về hành vi.

Bên cạnh đó, số liệu thống kê chưa đầy đủ của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cả nước (chủ yếu hòa giải vụ việc bạo lực gia đình chỉ là một phần trong tiêu chí chung về các vụ việc về hôn nhân và gia đình của biểu mẫu thống kê về công tác hòa giải ở cơ sở, việc ghi chép Sổ theo dõi công tác hòa giải ở cơ sở chưa được đầy đủ...) thì từ năm 2014 đến hết năm 2018, hòa giải viên ở cơ sở đã tiến hành hòa giải 26.771 vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, hòa giải thành 22.293 vụ việc.

Theo kết quả báo cáo đánh giá về tính sẵn có và khả năng tiếp cận dịch vụ thiết yếu hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực giới (CARE và CSAGA, 2020) người dân, đặc biệt là phụ nữ tại cộng đồng thiếu thông tin về các dịch vụ hỗ trợ và không biết cách đến tìm kiếm sự trợ giúp khi bị bạo lực: khoảng 10% người tham gia khảo sát biết tới Ngôi nhà Bình yên; 17% người trả lời khảo sát biết đến địa chỉ tư vấn tâm lý và 35% ý kiến cho rằng họ biết dịch vụ trợ giúp pháp lý và thông tin pháp luật khi bị bạo lực. Kết quả rà soát cũng chỉ ra: 3 dịch vụ mà đại diện phụ nữ trong cộng đồng cho rằng đó là các dịch vụ cần thiết nhất đối với phụ nữ khi bị bạo lực là (1) địa chỉ tin cậy để trình báo sự việc với tỉ lệ gần 72% ý kiến, chăm sóc y tế và nơi tạm lánh tại cộng đồng với tỉ lệ ý kiến khoảng 47%. Tiếp đến là dịch vụ tư vấn tâm lý với khoảng 42% ý kiến từ người tham gia. Báo cáo đã cho thấy tỷ lệ người dân hiểu biết về các dịch vụ này là quá thấp. Ở đây có thể lý giải rằng là thông tin về các loại hình dịch vụ chưa thực sự đến được với người dân do hoạt động truyền thông còn nhiều bất cập.

Hơn nữa thông tin về các dịch vụ hỗ trợ tại Việt Nam còn khá khiêm tốn. Người bị bạo lực thường sẽ tìm đến với người thân, người quen hoặc không tìm tới ai để trợ giúp. Việc không tìm kiếm trợ giúp có thể do chưa có thói quen tìm tới dịch vụ, do tác động của các khuôn mẫu và định kiến và do không có hoặc không biết sự có mặt của các dịch vụ này. Ngoài ra, cũng có một số nạn nhân tuy đã tiếp cận được dịch vụ trợ giúp, nhưng họ không muốn quay trở lại vì nhiều lý do khác nhau. Trong đó có thể kể đến:

- *Trợ giúp pháp lý chưa đồng đều*, điều kiện để được trợ giúp pháp lý còn nhiều thủ tục bất cập. Theo luật trợ giúp pháp lý 2017, chỉ có nạn nhân bị bạo lực (nạn nhân BLG, bạo lực gia đình, nạn nhân bị buôn bán) thuộc diện cận nghèo mới được trợ giúp pháp lý, trong khi việc xác minh này không mấy dễ dàng, vì thế họ rất khó tiếp cận dịch vụ này
- *Nhà tạm lánh*. Thường thì mỗi xã thôn đều có nhà tạm lánh. Đó thường là nhà của trưởng thôn, hay nhà của tổ trưởng tổ phụ nữ thôn. Những người này đăng ký nhà mình là nhà tạm lánh trên tinh thần tự nguyện. Bản thân họ thiếu kiến thức và khả năng hỗ trợ nạn nhân. Khi bị bạo lực, nạn nhân thường chạy đến nhà tạm lánh của thôn, xã. Khi có vụ việc bạo lực xảy ra, họ thường sử dụng kinh nghiệm cá nhân là chính để khi xử lý. Họ thường khuyên nạn nhân nhẫn nhịn, hoà giải để giữ gìn ‘mái ấm’ gia đình. Phần lớn họ chưa được đào tạo bài bản về những kiến thức và kỹ năng tối thiểu trợ giúp nạn nhân. Họ thiếu kiến thức cơ bản trong xử lý vụ việc.
- *Dịch vụ hỗ trợ tâm lý khá đa dạng* với các mức độ hỗ trợ tâm lý khác nhau. Ở cấp xã thôn, việc hỗ trợ tâm lý phần lớn do đại diện của chi Hội PN đảm nhiệm. thường chỉ tập trung an ủi, động viên, hoà giải. Một số nghiên cứu cho thấy nạn nhân cũng chưa thực sự thấy an tâm, bởi họ còn lo sợ có thể bạo lực sẽ tiếp diễn ở những lần sau. Nhìn chung, hỗ trợ tâm lý ở cấp thôn, xã mang tính chất đơn giản,

thiếu bài bản bởi nguồn nhân lực hạn chế vừa về số lượng và chất lượng, nên chưa đáp ứng được nhu cầu của nạn nhân.

- *Chất lượng của các dịch vụ:* Trong hầu hết các vụ việc, biện pháp hoà giải được đặt lên hàng đầu, cảnh cáo và nhắc nhở. Người cung cấp dịch vụ thiếu nhạy cảm, đôi khi còn thờ ơ, có thái độ định kiến và đổ lỗi cho nạn nhân. Các thành viên trong tổ hoà giải không có kiến thức cơ bản về lĩnh vực này để xử lý các vụ việc có chất lượng hơn và trợ giúp nạn nhân tốt hơn. Ví dụ như:
  - Bình đẳng giới, định kiến giới, khuôn mẫu giới bất bình đẳng giới, nguyên nhân dẫn đến bạo lực trên cơ sở giới
  - Sự cần thiết của dịch vụ thiết yếu dành cho nạn nhân bị bạo lực
  - Những kỹ năng cần thiết để trợ giúp nạn nhân bị bạo lực (tư vấn tâm lý, cung cấp thông tin, hướng dẫn nạn nhân cách ứng phó với bạo lực v.v...)
  - Phương pháp làm việc nhóm, kỹ năng trình bày, kỹ năng và phương pháp phối hợp liên ngành hỗ trợ nạn nhân tiếp cận với các dịch vụ thiết yếu, trong đó có tiếp cận công lý, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19.

### 3. Đánh giá cụ thể

#### a. Chưa bảo đảm về tổ chức, nhân sự.

Theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở thì mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ. Tuy nhiên thực tiễn vừa qua, tỉ lệ tham gia của phụ nữ trong công tác hòa giải ở cơ sở còn thấp. Theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp, tính đến ngày 31/12/2020, số hòa giải viên nữ trên cả nước chỉ chiếm khoảng 28% hòa giải viên ở cơ sở.

#### b. Chưa chú ý đến yếu tố giới khi hòa giải.

Điều đáng lưu ý là không phải hòa giải viên nào cũng quan tâm tới các vấn đề giới, bình đẳng giới và quyền phụ nữ, trẻ em trong các vụ việc được hòa giải. Trong các buổi hòa giải, họ thường tập trung tới mâu thuẫn, tranh chấp thay vì nhìn nhận toàn diện vấn đề chi phối hành vi của các bên như giới tính, văn hóa, tôn giáo và các nhận thức về giới. Hiện vẫn còn tình trạng hòa giải viên áp đặt quan điểm cá nhân lên các bên liên quan, mà quan điểm đó mang tính phân biệt đối xử dựa trên giới. Một số hòa giải viên cũng được cho là thiếu nhạy cảm giới khi làm việc với các nhóm đặc thù như: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và trẻ em, như sử dụng ngôn ngữ và thái độ mang tính định kiến giới khi nhắc đến phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật. Trong không ít các trường hợp, mâu thuẫn có thể phát sinh do việc thực hiện các vai trò giới mà không có sự chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên gia đình, nhưng hòa giải viên lại cho rằng đó là điều bình thường, là lẽ đương nhiên, như việc cơm nước, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc người ốm... là việc của phụ nữ<sup>31</sup>.

#### c. Vụ việc bạo lực đối với phụ nữ chưa được trình báo đầy đủ

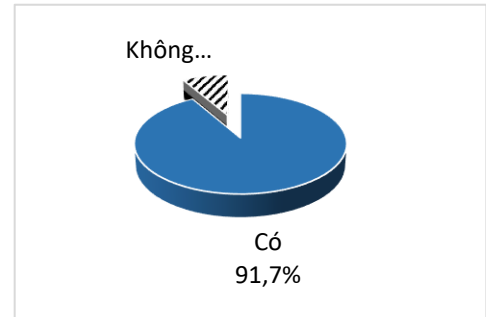
Như đã nêu, theo Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam 2019 có rất nhiều vụ việc bạo lực đối với phụ nữ bị giấu kín. Một nửa phụ nữ bị chồng bạo lực chưa bao giờ kể với bất kỳ ai. Hầu hết phụ nữ (90,4%) bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng gây ra không tìm kiếm bất kỳ sự hỗ trợ nào từ các cơ quan chính quyền. Vì một trong các lý do này mà con số đưa ra hòa giải cũng rất khiêm tốn.

#### d. Các rào cản làm hạn chế khả năng của phụ nữ/nạn nhân trong tiếp cận công lý

Mặc dù phải hứng chịu bạo lực, bị tổn thương về cả tinh thần và thể xác, nhưng không phải nạn nhân nào cũng muốn đi trình báo về vụ việc. Hoặc khi nạn nhân đi trình báo, họ gặp rất nhiều khó khăn, cản trở họ theo đuổi công lý. Vì nhiều nguyên nhân khác nhau, sẽ được phân tích dưới đây, phụ nữ có thể không trình báo, hoặc nếu có trình báo sẽ không tiếp tục theo đuổi vụ việc đến cùng.

<sup>31</sup> <https://daibieunhandan.vn/long-ghep-gioi-va-hoa-giai-o-co-so-a4qcq6pmss-67398>

Có tới 91,7% nạn nhân phải đối mặt với nhiều thách thức khi tìm sự giúp đỡ (Xem Hình 5). Có thể kể đến: tính riêng tư, bảo mật thông tin chưa được bảo đảm, hiểu biết hạn chế về quyền, lo lắng về việc mình có được bảo vệ hay không, cảm thấy xấu hổ, bị áp lực từ gia đình và xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy 69% người được khảo sát cho rằng một trong những rào cản quan trọng nhất là nhận thức hạn chế của phụ nữ về quyền của mình. Đa số nạn nhân bạo lực gia đình được phỏng vấn bày tỏ lo ngại về thủ tục trình báo không rõ ràng, một số người cho biết họ phải trình báo cùng một vụ việc với bốn cơ quan khác nhau: tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân, Hội Phụ nữ và công an. Nạn nhân cũng cho biết những lý do khác nhau của việc trình báo bạo lực gia đình<sup>32</sup>.



Hình 5. Tỷ lệ phụ nữ gặp trở ngại khi tiếp cận công lý

Theo báo cáo khảo sát về “Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Quan niệm của phụ nữ về biếp cận công lý”<sup>33</sup> phân lớn các vụ việc bạo lực với phụ nữ đều do nam giới, là chồng/bạn tình, người trong gia đình, đồng nghiệp, hàng xóm hoặc người quen của họ gây ra. Đó cũng chính là khó khăn cả về tâm lý và rủi ro đối với phụ nữ trong khi theo đuổi công lý. Có rất nhiều rào cản mà phụ nữ phải đối mặt khi trình báo về bạo lực tình dục, như là những rào cản về khuôn mẫu giới tiêu cực tạo ra và duy trì sự mơ hồ về cái được coi là hiệp dâm “thật sự” và “nạn nhân thật sự”. Điều này ảnh hưởng đến thái độ và mong đợi của các cán bộ xử lý vụ việc về cách mà một “nạn nhân thật sự” cần phải cư xử, đã tác động đến đánh giá về độ tin cậy của nạn nhân và định hình cách ứng xử của tư pháp hình sự đối với các vụ việc liên quan đến bạo lực với phụ nữ. Nghiên cứu cho thấy cơ quan/cán bộ tư pháp hình sự lại chú trọng vào việc liệu nạn nhân có đáng tin cậy hay không, dựa trên tính cách, vẻ bề ngoài, hành vi và công việc của nạn nhân, hơn là dựa trên độ tin cậy của vụ việc được trình báo. Phụ nữ làm nghề bán dâm từng cố gắng trình báo việc bị cưỡng hiếp với cảnh sát thường không được tin cậy<sup>34</sup>.

Nhiều nạn nhân không trình báo với công an hoặc cơ quan khác do họ cảm thấy ê chề, xấu hổ hoặc sợ hãi. Thái độ dung thứ bạo lực của cán bộ thực thi pháp luật vẫn khá phổ biến, mặc dù Luật Phòng chống Bạo lực gia đình đã có hiệu lực từ năm 2007. Họ cho rằng bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư, duy trì gia đình là ưu tiên và rằng phụ nữ không được từ chối đòi hỏi tình dục của chồng.<sup>35</sup>

Nghiên cứu về sự tiếp cận công lý của nạn nhân bạo lực gia đình trong hệ thống pháp lý đa kênh ở Việt Nam cho thấy đa số nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới không tiếp cận được cán bộ trợ giúp pháp lý và nhiều nạn nhân bị ép thương lượng hoặc hòa giải ở cơ sở và giải quyết vụ việc bên ngoài hệ thống tư pháp hình sự mà không được tư vấn pháp lý.<sup>36</sup>

Hiểu biết của nạn nhân về các hình thức bạo lực cấu thành tội phạm còn hạn chế. Nhiều người còn chưa rõ việc quấy rối tình dục, tấn công tình dục có phải là tội hình sự hay không. Nhiều người cho rằng hành vi này là tội hình sự. Tuy nhiên, theo Luật hình sự năm 2015, hành vi tấn công tình dục đối với phụ nữ trưởng thành hoặc quấy rối tình dục không bị coi là tội hình sự.<sup>37</sup>

Những rào cản mà phụ nữ phải đối mặt bao gồm rào cản xã hội và văn hóa, cũng như những rào cản về pháp lý và thể chế. Các rào cản xã hội và văn hóa (như kỳ thị, áp lực gia đình, lo ngại rằng nếu trình báo bạo lực

<sup>32</sup> Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 13. UN Women - 2018

<sup>33</sup> Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 13. UN Women - 2018

<sup>34</sup> Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 25. UN Women - 2018

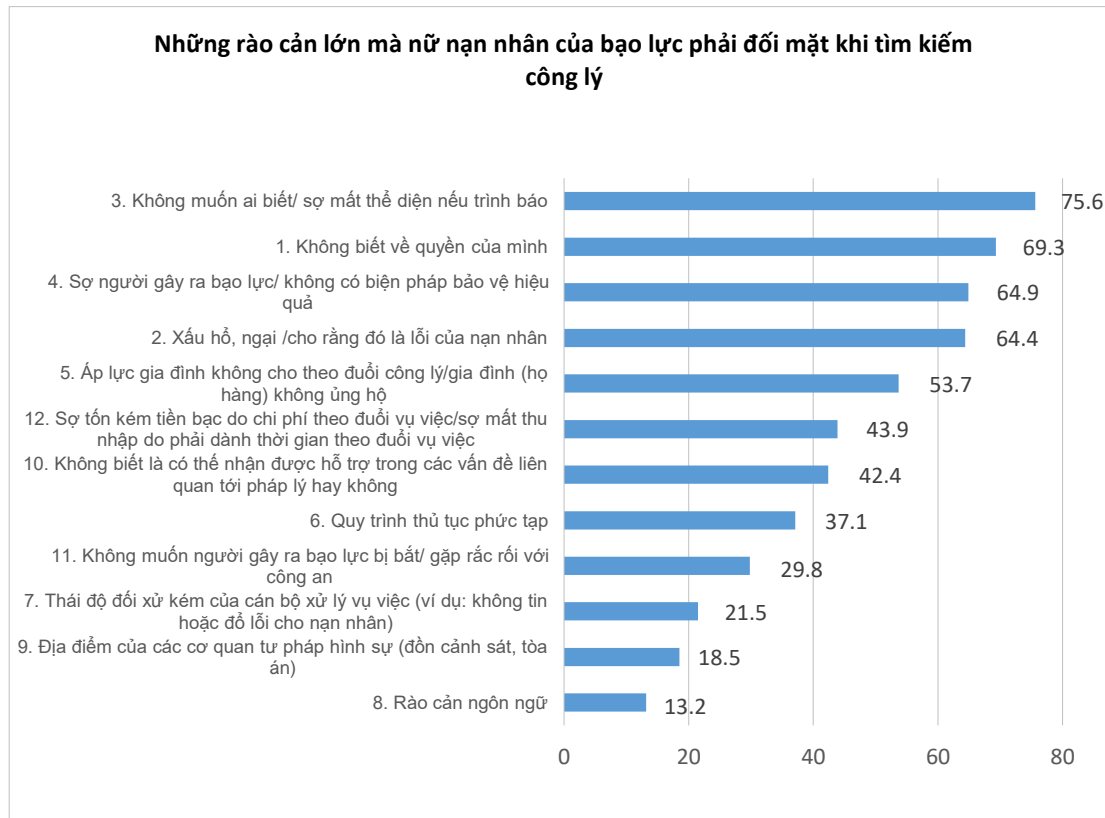
<sup>35</sup> Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 25. UN Women - 2018

<sup>36</sup> UNODC. Nghiên cứu về thực tiễn thực thi pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam

<sup>37</sup> Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 45. UN Women - 2018

nghĩa là ly hôn, hoặc tác động tiêu cực đến nghề nghiệp tương lai của con cái) cùng với thái độ và phương pháp tiếp cận thiếu toàn diện đa ngành là các rào cản pháp lý và thể chế (không bảo đảm bí mật, những quan ngại về vấn đề bảo vệ, thủ tục phức tạp, v.v.) đã làm hạn chế nạn nhân tiếp cận công lý. Điều này cần được thay đổi.<sup>38</sup>

**Hình 7: Xếp hạng các rào cản mà nữ nạn nhân của bạo lực phải đối mặt khi tìm kiếm công lý**



(Nguồn: Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý, UN Women, 2018).

**Không ít cán bộ, hòa giải viên** lại cho rằng rào cản chủ yếu lại là do chính nạn nhân, những người được coi là chấp nhận số phận của mình, sợ bị người gây bạo lực trả thù nếu trình báo; cũng như mức độ nhận thức thấp của chính phụ nữ về bạo lực và trình độ hiểu biết pháp luật của họ còn thấp<sup>39</sup>.

**Quan niệm và hiểu chưa đúng về những nguyên nhân gốc rễ của mâu thuẫn giữa các bên, trong đó có cả bạo lực gia đình<sup>40</sup>.** Có một số nhóm cán bộ làm công tác phòng chống và ứng phó bạo lực đối với phụ nữ tin rằng chỉ những người chồng thất nghiệp mới đánh vợ. Họ giải thích lý do vì sao họ không tập trung vào các biện pháp bảo vệ như tách nạn nhân khỏi người gây bạo lực, vì họ nói rằng người chồng vẫn yêu vợ con. Họ thường đổ lỗi và biện minh rằng đàn ông khi rượu vào mất kiểm soát và do ghen tuông nên mới bạo lực với vợ, và rằng khi tỉnh rượu người chồng tỏ hối hận.

**Thái độ của cán bộ tiếp nhận tin báo.** Có những nạn nhân bị công an, người tiếp nhận vụ việc ứng xử khá quan liêu, thiếu nhạy cảm giới và nghi ngờ tính xác thực thông tin mà nạn nhân cung cấp, không tin nạn nhân và còn trách cứ nạn nhân, coi vụ việc là do nạn nhân gây ra “*Khi nạn nhân tìm đến công an, họ thường nói*

<sup>38</sup> Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 47. UN Women - 2018

<sup>39</sup> Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 48. UN Women 2018

<sup>40</sup> Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. UN Women - 2018

*cùng một từ: ‘Chắc chị nói nhiều quá, hay ghen tuông, vì vậy mà anh ta đánh chị, đúng không?’ Phụ nữ luôn bị đổ lỗi về mọi việc” – Một người tham gia khảo sát chia sẻ.*

Cán bộ hỗ trợ tư pháp, hòa giải viên cần hiểu rõ những rào cản này, trên cơ sở đó có thể căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để có thể đưa ra biện pháp xử lý thích hợp.

Tóm lại, những rào cản mà phụ nữ phải đối mặt bao gồm rào cản xã hội và văn hóa, cũng như những rào cản về pháp lý và thể chế. Các rào cản xã hội và văn hóa (như kỳ thị, áp lực gia đình, lo ngại rằng nếu trình báo bạo lực nghĩa là ly hôn, hoặc tác động tiêu cực đến nghề nghiệp tương lai của con cái) cùng với thái độ và phương pháp tiếp cận thiếu toàn diện đa ngành là các rào cản pháp lý và thể chế (không bảo đảm bí mật, những quan ngại về vấn đề bảo vệ, thủ tục phức tạp, v.v.) đã làm hạn chế nạn nhân tiếp cận công lý. Điều này cần được thay đổi.

## V. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Theo Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030, liên quan đến bình đẳng giới, thì cần phải đạt được mục tiêu sau:

“c) Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- Chỉ tiêu 1: Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.

- Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi, 100% số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

- Chỉ tiêu 4: Đến năm 2025 có 70% và năm 2030 có 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.”

Thực hiện Chiến lược này, Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của Ngành Tư pháp, trong đó đưa ra các mục tiêu: “2.2. Mục tiêu 2: Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới cho các tầng lớp nhân dân nhằm thay đổi hành vi về bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

Chỉ tiêu 2.1: Phần đầu từ năm 2025 có 100% các chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật do Bộ, ngành Tư pháp chủ trì thực hiện được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

Chỉ tiêu 2.2: Phần đầu đến năm 2025 có 70% và đến năm 2030 có 100% cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở của Sở Tư pháp được bồi dưỡng kiến thức về giới.”

Xuất phát từ tình hình thực việc đánh giá thực trạng lồng ghép giới trong công tác hoà giải cơ sở đồng thời để đạt được các mục tiêu với các chỉ số trên, xin đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp góp phần bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở như sau:

### 1. Tăng cường truyền thông, phổ biến pháp luật về giới, bình đẳng giới

Thực tế cho thấy rất ít các vụ vi phạm được đưa ra ánh sáng, vì nạn nhân còn chưa hiểu pháp luật, chưa hiểu quyền của mình... Do vậy cần tiếp tục tăng cường truyền thông, phổ biến pháp luật về giới, bình đẳng giới dưới các hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về vị trí, vai trò của bình đẳng giới nói chung, bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

### 2. Kiện toàn tổ hòa giải theo hướng mỗi tổ hòa giải có ít nhất 1 hòa giải viên là nữ.

Cần kiện toàn thành viên mỗi tổ hòa giải ít nhất một hòa giải viên là nữ.

### 3. Nâng cao trình độ pháp luật, tập huấn cho đội ngũ hòa giải viên, cán bộ tiếp xúc ban đầu với nạn nhân

về nhận biết các hành vi vi phạm bình đẳng giới; bạo lực trên cơ sở giới; nhận diện các hành vi bất bình đẳng giới; phạm vi hòa giải; trình tự, thủ tục, nguyên tắc hoà giải; trách nhiệm của hòa giải - nhất là trách nhiệm giữ bí mật riêng tư; kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng giúp nạn nhân vượt quan rào cản.

Đa dạng hóa các tài liệu tập huấn cho hòa giải viên về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải với phương pháp dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng như: tài liệu tập huấn, sổ tay bỏ túi, các video bài giảng điện tử, tình huống hòa giải mẫu... nhằm nâng cao việc trang bị kiến thức, hướng dẫn kỹ năng hòa giải bảo đảm bình đẳng giới để các địa phương tập huấn, bồi dưỡng hoặc cấp phát cho hòa giải viên.

### 4. Nghiên cứu, đưa nội dung chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở là một trong các tiêu chí đánh giá Sở Tư pháp hàng năm. Tăng cường



quản lý nhà nước, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ này ở địa phương, cơ sở<sup>41</sup>.

Thực tiễn là trong nhiều năm qua chúng ta chưa đầu tư cho việc đưa vấn đề giới vào hoạt động HGCS một cách đầy đủ, toàn diện (nhưng lại làm tốt ở mảng trợ giúp pháp lý), do vậy, đây cũng chính là cơ hội để đầu tư đưa giới vào HGCS. Bên cạnh việc xây dựng tài liệu hướng dẫn như Bộ đã làm thời gian vừa qua, cần tiếp tục tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về giới, năng lực LGG cho đội ngũ làm công tác này để họ nhạy cảm giới hơn; trách nhiệm giới hơn khi thực hiện nhiệm vụ

## 5. **Trang bị cho cán bộ hỗ trợ pháp lý, hòa giải viên một số kỹ năng cần thiết sau đây:**

### 5.1 Thiết lập mối quan hệ tốt với đối tượng được hoà giải

Thiết lập mối quan hệ tốt với nạn nhân/ đối tượng được hoà giải là bước đầu tiên cán bộ hỗ trợ, hòa giải viên cần phải làm để có thể hỗ trợ nạn nhân hiệu quả trong tiến trình tư pháp. Cán bộ hỗ trợ cần tin tưởng và chia sẻ cảm xúc, tránh định kiến đối với nạn nhân. Chỉ có như vậy nạn nhân mới tinh tường và sẵn sàng hợp tác, chia sẻ những thông tin chính xác nhất với cán bộ hỗ trợ.

### 5.2 Một số kỹ năng giao tiếp để xây dựng mối quan hệ tốt với đối tượng được hoà giải

- Mọi cuộc gặp gỡ cần được thực hiện ở nơi riêng tư, không bị người khác xen ngang và làm cho nạn nhân cảm thấy thoải mái, tin tưởng và thấy được an toàn.
  - ✓ Không đặt câu hỏi đóng (mà câu trả lời là có hoặc không). Nên đặt câu hỏi để nạn nhân có cơ hội chia sẻ nhằm củng cố sự tin tưởng của nạn nhân.
  - ✓ Thể hiện thái độ tôn trọng và kiên nhẫn lắng nghe đối tượng được hoà giải, không phán xét và bình luận đúng sai, mang tính chất chủ quan
  - ✓ Đối với nạn nhân là trẻ em, nạn nhân bị hiếp dâm, nạn nhân của buôn bán người, cán bộ tiếp xúc tránh hỏi dồn dập, không có ép nạn nhân tiếp tục chia sẻ khi thấy nạn nhân mệt và không tập trung, có thể dừng lại và thu xếp phòng vấn tiếp vào thời gian thích hợp.
  - ✓ Làm bạn với nạn nhân là trẻ vị thành niên, có thể cùng chơi với trẻ để trẻ không cảm thấy e ngại, trẻ sẽ chia sẻ thoải mái hơn.
  - ✓ Thể hiện sự quan tâm của mình tới nạn nhân và tìm hiểu mong muốn của nạn nhân, qua đó có thể có biện pháp hỗ trợ nạn nhân hiệu quả.

### 5.3 Một số lưu ý cần thiết

- *Biểu hiện của người được hoà giải/nạn nhân của bạo lực.* Trong quá trình nói chuyện với nạn nhân, cán bộ hỗ trợ phải đặc biệt chú ý tới biểu hiện của nạn nhân qua cảm xúc của khuôn mặt, ánh mắt, giọng nói... để thấy được tâm lý của nạn nhân, từ đó có cách thức, phương pháp làm việc cho phù hợp.
- *Cùng đối tượng xác định được vấn đề liên quan.* Đó là các thông tin về nhân thân, các mối quan hệ với gia đình, xã hội, thông tin về sức khỏe, tiền sử gia đình, tình trạng tinh thần. Việc khai thác những thông tin này không những giúp cho cán bộ xác định được vấn đề mà còn giúp nạn nhân tự hiểu chính mình.
- *Có hướng dẫn phù hợp, dễ hiểu, giúp nạn nhân/đối tượng được hoà giải tiếp cận các dịch vụ trợ giúp.* Khi nạn nhân xác định được những vấn đề mà họ đang cần phải giải quyết hoặc gặp khó khăn thì cán bộ hỗ trợ đưa ra những giải pháp, lựa chọn hướng giải quyết phù hợp với nguyện vọng cũng như hoàn cảnh của nạn nhân. Sau đó cán bộ hỗ trợ sẽ tiến hành cho các giải pháp đã lựa chọn trên cơ sở có sự đồng ý của nạn nhân.
- *Bày tỏ sự đồng cảm với đối tượng được hoà giải* Khi cán bộ tiếp xúc với nạn nhân có sự đồng cảm với những cảm xúc của họ, họ sẽ thấy hoàn cảnh của bản thân được thấu hiểu và lắng nghe. Cán bộ hỗ trợ cần đặt mình vào vị trí của đối tượng được hoà giải để hiểu được cảm xúc của họ, hiểu hoàn cảnh của

<sup>41</sup> Tham khảo bài viết của Phan Hồng Nguyên, Chuyên đề: Hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở - Thực trạng và giải pháp

nạn nhân và nắm bắt được những khó khăn mà họ gặp phải trong quá trình hoà giải. Nhờ đó nạn nhân thêm tin tưởng cán bộ hỗ trợ, sẵn sàng chia sẻ tâm tư nguyện vọng của mình.

- ✓ Cán bộ hỗ trợ cần quan tâm tới cảm xúc của đối tượng được hoà giải và những nguyên nhân dẫn đến cảm xúc đó, để đối tượng thấy mình được quan tâm và rằng cán bộ hỗ trợ đã hiểu đúng hoàn cảnh của họ.
- ✓ Trong khi tiếp xúc, cán bộ hỗ trợ cần trao đổi với đối tượng được hoà giải, kiểm tra xem bản thân đã hiểu đúng ý của người đó hay chưa?

#### 5.4 Một số kỹ năng cần thiết

- Kỹ năng lắng nghe
- Kỹ năng đặt câu hỏi
- Kỹ năng quản lý cảm xúc
- Kỹ năng xử lý im lặng
- Một số điểm cần lưu ý khi tiếp xúc với nạn nhân

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Luật pháp liên quan

#### Luật Bình đẳng giới

Luật Bình đẳng giới quy định nam, nữ bình đẳng với nhau trong mọi lĩnh vực và nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.

#### Nội dung của bình đẳng giới

- *Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị theo Điều 11 Luật BDG bao gồm:*
  1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.
  2. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.
  3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
  4. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.
  5. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm:
    - a) Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới;
    - b) Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.”
- *Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế theo Điều 12 Luật BDG:*
  1. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.
  2. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm:
    - a) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật;
    - b) Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật.”
- *Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động. Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động theo Điều 13 Luật BDG:*
  1. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.
  2. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.
- *Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động:*
  - a) Quy định tỷ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động;
  - b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ;
  - c) Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.”
- *Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo Điều 14 Luật BDG:*
  1. Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.
  2. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.
  3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
  4. Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

- *Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo:*
  - a) Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo;
  - b) Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.”
- *Bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo Điều 15 Luật BDG:*
  - “1. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ.
  2. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát minh, sáng chế.”
- *Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao. Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao theo Điều 16 Luật BDG:*
  - “1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao.
  2. Nam, nữ bình đẳng trong hưởng thụ văn hoá, tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin.”
- *Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế. Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế theo Điều 17 Luật BDG:*
  - “1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khoẻ sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế.
  2. Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
  3. Phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.”
- *Bình đẳng giới trong gia đình. Bình đẳng giới trong gia đình theo Điều 18 Luật BDG:*
  - “1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.
  2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.
  3. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.
  4. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.
  5. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

### **Cơ sở pháp lý của việc bảo đảm BGD**

- *Nguyên tắc xử lý vi phạm BDG, các hình thức xử lý vi phạm*  
 Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực BDG bao gồm: Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới; Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức; Bạo lực trên cơ sở giới; Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.  
 Theo quy định tại Điều Điều 39 Luật BDG thì mọi hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Việc xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để theo đúng quy định của pháp luật.
- *Các hành vi vi phạm BDG. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo Luật BDG*  
 Theo quy định tại Luật BDG thì các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới bao gồm:  
 + “Điều 40. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế
- *Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị:*
  - a) Cản trở việc nam hoặc nữ tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp vì định kiến giới;
  - b) Không thực hiện hoặc cản trở việc bổ nhiệm nam, nữ vào cương vị quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;
  - c) Đặt ra và thực hiện quy định có sự phân biệt đối xử về giới trong các hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc trong quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức. 2. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm:
    - a) Cản trở nam hoặc nữ thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động kinh doanh vì định kiến giới;

b) Tiến hành quảng cáo thương mại gây bất lợi cho các chủ doanh nghiệp, thương nhân của một giới nhất định.

• *Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động:*

a) Áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động nam và lao động nữ đối với cùng một công việc mà nam, nữ đều có trình độ và khả năng thực hiện như nhau, trừ trường hợp áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới;

b) Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế lao động, sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;

c) Phân công công việc mang tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ dẫn đến chênh lệch về thu nhập hoặc áp dụng mức trả lương khác nhau cho những người lao động có cùng trình độ, năng lực vì lý do giới tính;

d) Không thực hiện các quy định của pháp luật lao động quy định riêng đối với lao động nữ.

• *Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo:*

a) Quy định tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh khác nhau giữa nam và nữ;

b) Vận động hoặc ép buộc người khác nghỉ học vì lý do giới tính;

c) Từ chối tuyển sinh những người có đủ điều kiện vào các khóa đào tạo, bồi dưỡng vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;

d) Giáo dục hướng nghiệp, biên soạn và phổ biến sách giáo khoa có định kiến giới.

Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Cản trở nam, nữ tham gia hoạt động khoa học, công nghệ;

b) Từ chối việc tham gia của một giới trong các khóa đào tạo về khoa học và công nghệ.

• *Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao:*

a) Cản trở nam, nữ sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn và tham gia các hoạt động văn hóa khác vì định kiến giới;

b) Sáng tác, lưu hành, cho phép xuất bản các tác phẩm dưới bất kỳ thể loại và hình thức nào để cổ vũ, tuyên truyền bất bình đẳng giới, định kiến giới;

c) Truyền bá tư tưởng, tự mình thực hiện hoặc xúi giục người khác thực hiện phong tục tập quán lạc hậu mang tính phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.

• *Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế:*

a) Cản trở, xúi giục hoặc ép buộc người khác không tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe vì định kiến giới;

b) Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức hoặc xúi giục, ép buộc người khác phá thai vì giới tính của thai nhi.”

+ “Điều 41. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình

1. Cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.

2. Không cho phép hoặc cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiến giới.

3. Đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.

4. Hạn chế việc đi học hoặc ép buộc thành viên trong gia đình bỏ học vì lý do giới tính.

5. Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định.”

**Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo NĐ 25/2021/NĐ-CP**

Về cơ bản, hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới được quy định tại NĐ 25/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, trên thực tiễn, vẫn có một số hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực bình đẳng giới không được quy định tại Nghị định này, mà được quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Ví dụ Điều 13, NĐ 25/2021/NĐ-CP quy định:

“Điều 13. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến gia đình

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
  - a) Cản trở hoặc không cho thành viên trong gia đình thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì lý do giới tính;
  - b) Đối xử bất bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
  - a) Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia đình đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính;
  - b) Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên trong gia đình thuộc một giới nhất định.
3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dùng vũ lực nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia đình đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.”

**Các hành vi vi phạm pháp luật về bạo lực gia đình theo NĐ 144/2021/NĐ-CP**

NĐ 144/2021/NĐ-CP quy định các hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới như sau:

Điều 52. Hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:
  - a) Sử dụng các công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên gia đình;
  - b) Không kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu điều trị trong trường hợp nạn nhân cần được cấp cứu kịp thời hoặc không chăm sóc nạn nhân trong thời gian nạn nhân điều trị chấn thương do hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.

Điều 53. Hành vi hành hạ, ngược đãi thành viên gia đình

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:
  - a) Đối xử tồi tệ với thành viên gia đình như: bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân;
  - b) Bỏ mặc không chăm sóc thành viên gia đình là người cao tuổi, yếu, khuyết tật, phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ.

Điều 54. Hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên gia đình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:
  - a) Tiết lộ hoặc phát tán tư liệu, tài liệu thuộc bí mật đời tư của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
  - b) Sử dụng các phương tiện thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình;
  - c) Phổ biến, phát tán tờ rơi, bài viết, hình ảnh nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nạn nhân.

Điều 55. Hành vi cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:
  - a) Cấm thành viên gia đình ra khỏi nhà, ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó;
  - b) Không cho thành viên gia đình thực hiện quyền làm việc;
  - c) Không cho thành viên gia đình tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh bạo lực đối với người, con vật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Cường ép thành viên gia đình thực hiện các hành động khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục;
- b) Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với thành viên gia đình.

Điều 56. Hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền thăm nom con theo quyết định của tòa án; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau.

Điều 57. Vi phạm quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn; từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa anh, chị, em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu theo quy định của pháp luật;

b) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Hành vi bạo lực về kinh tế

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

1. Chiếm đoạt tài sản riêng của thành viên gia đình.

2. Ép buộc thành viên gia đình lao động quá sức hoặc làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại hoặc làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động.

3. Ép buộc thành viên gia đình đi ăn xin hoặc lang thang kiếm sống.

Điều 59. Hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa bằng bạo lực để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

- *Các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bình đẳng giới theo Bộ LHS*

Bộ LHS quy định các tội sau đây liên quan đến bình đẳng giới:

Điều 141- Tội hiếp dâm; Điều 142- Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; Điều 143- Tội cưỡng dâm; Điều 144. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Điều 145- Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Điều 146- Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; Điều 150- Tội mua bán người; Điều 151- Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Điều 147- Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm; Điều 133: Tội đe dọa giết người; Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Điều 155: Tội làm nhục người khác; Điều 157: Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật; Điều 158: Tội xâm phạm chỗ ở của người khác; Điều 164. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; Điều 165: Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới.

## Phụ lục 2: Mẫu tóm tắt hồ sơ vụ việc<sup>42</sup>

Quản lý ca, hỗ trợ và chăm sóc về tâm lý			
Chuẩn mực tối thiểu	Đạt	Cần cải thiện	Chưa đạt
Có môi trường an toàn và riêng tư dành cho những đang được hỗ trợ, giúp đỡ.			
Cán bộ/ tình nguyện viên được tập huấn về tính bảo mật.			

<sup>42</sup> USAID.GBVIMS. Ưu tiên. Cứu. Liên minh y tế quốc tế. UNHCR. UNFPA. UNICEF. Hướng dẫn quản lý ca bạo lực giới

Cán bộ/tình nguyện viên được đào tạo đủ khả năng cung cấp thông tin và có thể tiến hành thủ tục chuyển gửi nạn nhân để được chăm sóc y tế, tới các cơ quan hành pháp và có các phương án lựa chọn an toàn khi tìm kiếm sự giúp đỡ.			
Có nhân viên/tình nguyện viên, những người đại diện cho các nhóm dân tộc tín ngưỡng phù hợp với bối cảnh			
Cán bộ/tình nguyện viên được đào tạo đủ khả năng hỗ trợ cơ bản cho các cá nhân và gia đình của họ.			
Cán bộ/tình nguyện viên được đào tạo đủ khả năng quản lý ca để hỗ trợ nạn nhân.			
Đủ nguồn lực để đáp ứng nhu cầu tối thiểu trước mắt, ví dụ như quần áo và thức ăn.			
Có các phương án an toàn ngắn hạn tại cộng đồng.			
Cán bộ/tình nguyện viên được đào tạo có khả năng cung cấp thông tin và tư vấn cho gia đình nạn nhân.			
Có các hoạt động nhóm để giúp đỡ đồng đảng, hoà nhập cộng đồng và thúc đẩy quyền năng kinh tế			
Có các cách làm hay, biện pháp hỗ trợ tốt mà nạn nhân thấy là hữu ích để phục hồi và.			
Tuyên truyền phòng chống bạo lực trên cơ sở giới tại cộng đồng			

### Phụ lục 3: Thông tin dịch vụ hỗ trợ tại Việt Nam

Danh sách dịch vụ cập nhật : <https://vietnam.un.org/sites/default/files/2021-03/Danh%20ba%2011x18cm%202203.pdf>

STT	DỊCH VỤ	NGÔN NGỮ	PHÍ DỊCH VỤ
1	<p><b>Tổng đài quốc gia phòng chống BLTCSG và MBN:</b></p> <p>Thời gian hoạt động: 24/24h, tất cả các ngày trong tuần.</p> <p>Dành cho tất cả các nhóm đối tượng không phân biệt tuổi, giới, tình trạng kinh tế, vị trí địa lí.</p> <p>Đường dây nóng: +84 111</p>	Tiếng Việt	Miễn phí



2	<p><b>Tổng đài Bảo hộ công dân:</b>          Thời gian hoạt động: 24/24h, tất cả các ngày trong tuần.          Dành cho tất cả các nhóm đối tượng không phân biệt tuổi, giới, tình trạng kinh tế, vị trí địa lí.          Điện thoại: +84 (0) 981.84.84.84</p>	Tiếng Việt	Miễn phí
3	<p><b>Ngôi nhà bình yên</b> (thuộc Trung tâm Phát triển Phụ nữ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam):          Cung cấp tư vấn, trợ giúp pháp luật, tư vấn tâm lý, nơi tạm lánh, giáo dục hướng nghiệp cho nạn nhân nữ bị bạo lực gia đình và nạn nhân mua bán người          Điện thoại: +841900969680;</p>	Tiếng Việt	Miễn phí Số 1900969680 phải trả phí
4	<p><b>Hagar Việt Nam</b>          Cung cấp nơi ở an toàn và nhu yếu phẩm trong trường hợp KHẨN CẤP; Chăm sóc sức khỏe ban đầu; Hỗ trợ điều trị những tổn thương do bạo lực gia đình, mua bán người và xâm hại tình dục gây ra; Cung cấp tham vấn pháp lý và kết nối làm việc với luật sư; Tham vấn trị liệu tâm lý cá nhân và nhóm; Tham vấn định hướng nghề và hỗ trợ tìm kiếm việc làm; Giáo dục và đào tạo kỹ năng sống          Điện thoại: +840943111967</p>	Tiếng Việt	Miễn phí
5	<p><b>Trung tâm Nghiên cứu &amp; Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA): tư vấn trường hợp bạo lực trên cơ sở giới; hỗ trợ kết nối dịch vụ trợ giúp pháp lí.</b>          Số điện thoại:</p>	Tiếng Việt	Miễn phí

## Tài liệu tham khảo

1. Bộ LĐTBXH-TCTK-UNFPA. *Hành trình để thay đổi: Báo cáo nghiên cứu tình hình bạo lực đối với phụ nữ Việt Nam*. 2019
2. ECOSOC. *Hướng dẫn về tư pháp trong các vấn đề liên quan đến nạn nhân và nhân chứng tội phạm là Trẻ em* (Nghị quyết ECOSOC 2005/20).
3. *Lồng ghép giới vào hoà giải cơ sở*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-ve-xoa-bo-moi-hinh-thuc-phan-biet-doi-xu-chong-lai-phu-nu-1979https://daibieunhandan.vn/long-ghep-gioi-vao-hoa-giai-o-co-so-a4qcq6pmss-67398-269872.aspx>
4. LHQ. *Gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực*. Tư pháp và hành pháp, Gói DVTY dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực: Các yếu tố cốt lõi và nguyên tắc chất lượng (2015), các trang 6-7.
5. LHQ. *Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*
6. LHQ. *Các khuyến nghị chung của Ủy ban về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*. 1992.
7. *Khung pháp lý quốc tế*. [https://nature.org.vn/vn/wp-content/uploads/2018/12/131218\\_TOT\\_Khung-phap-ly-quoc-te.pdf](https://nature.org.vn/vn/wp-content/uploads/2018/12/131218_TOT_Khung-phap-ly-quoc-te.pdf)
8. *Pakistan*. Khung biểu mẫu để tìm hiểu tình hình dành cho nhân viên xử lý bạo lực giới. Hướng dẫn quy trình vận hành chuẩn (SOP) quốc gia đối với việc phòng ngừa và ứng phó bạo lực giới trong bối cảnh viện trợ nhân đạo.
9. *Phan Hồng Nguyên*. Chuyên đề: Hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở - Thực trạng và giải pháp
10. UNFPA- Bộ LĐTBXH. *Báo cáo rà soát độc lập 10 năm thực hiện Luật Bình đẳng giới*. 2020.
11. UNICEF. *Bình đẳng giới- Thuật ngữ và khái niệm*. Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á. 2017
12. UN Women –Bộ Tư Pháp. *Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý*. 2018
13. UNODC.Ausaid. UN Women. *Sổ tay hướng dẫn thực hiện dịch vụ hành pháp có trách nhiệm giới đối với phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân bị bạo lực*
14. UNODC. *Nghiên cứu về thực tiễn thực thi pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*
15. USAID.GBVIMS. *Ưu tiên. Cứu. Liên minh y tế quốc tế*.
16. UNHCR. UNFPA.UNICEF. *Hướng dẫn quản lý ca bạo lực giới*
17. Thảo Anh. *Bảo đảm bình đẳng giới theo Luật Hòa giải ở cơ sở*. 2021
18. <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=119>
19. Vũ Nguyên. *Thực trạng công tác hoà giải cơ sở và khả năng xã hội hoá*.
20. <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=88>
21. Viện nghiên cứu về bình đẳng giới Châu Âu (<https://eige.europa.eu/thesaurus/terms/1211>).
22. Luật Phòng chống Bạo lực gia đình. 2007
23. Luật Bình đẳng giới. 2006
24. Luật Hoà giải cơ sở 2013.
25. Hiến pháp 2013
26. Bộ Luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)
27. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung 2020 )
28. Nghị định 15 về Hoà giải cơ sở 15/2014/NĐ-CP